

*Đầu
Chân
Cắt
Xoà*

DOÃN QUỐC SỸ | Dấu Chân Cát Xóa
truyện dài

VĂN NGHỆ xuất bản năm 1995

SÁNG TẠO tái bản năm 2018

nhập liệu DOÃN LIÊN

bìa & trình bày NGUDIHI

website: doanquocsy.com

GIA ĐÌNH TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

ALL RIGHTS RESERVED

ĐOÃN QUỐC SỸ

Đầu
Chân
Cắt
Xoa

sáng  tạo

mục lục

chương I	NHỮNG NIỀM VUI MUỐN KHÓC	01
chương II	CÂU CHUYỆN TRONG ĐÊM	21
chương III	ĐẤT MÀU	35
chương IV	NHÂN LOẠI TUYỆT DIỆT	53
chương V	DẢI NGÂN HÀ VÀ VÙNG CẢI TẦN Ô	61
võ đình	DOÃN QUỐC SỸ và TIẾNG HÁT TỪ LÒNG ĐẤT	81

CHƯƠNG MỘT

những niềm vui muốn khóc

1

*Thật tuyệt, bao giờ cũng vậy cứ sau vài năm dạy học
vừa lúc bắt đầu cảm thấy đầu óc mình ngu dần đi là
mình lại có dịp đi xa một chuyến!*

Chương nói với Huynh khi hai người vừa lên tới đỉnh ngọn
Tri-States Rock. Mặt trời đúng Ngọ, nắng hanh vàng trong
suốt. Gió đứng.

Huynh tiếp lời bạn:

- Như vậy là chuyến cậu sang Mỹ lần thứ hai này vừa đúng
sau năm năm cách biệt đấy!

- Đúng! – Chương đáp.

- 1964! – Huynh đáp và nhắc lại mấy câu thơ chàng làm
vào một dịp hành quân khác cùng Chương:

Lũ chúng tôi

Yêu nhau tình yêu trai gái

Lau chung khăn

Đánh răng chung bàn chải.

- Ha ha! – Tiếng Chương cười – Cậu có biết không, ngày đó,
về đọc lại bài thơ cho đám em gái tôi nghe, chúng cười thét lên
và la: “Mất vệ sinh!”

Huynh chỉ xuống vùng thượng lưu dòng sông:

- Cậu hãy chú ý: từ ngang sườn núi bên kia sông, ta có thể mắc một dây tử thần để luyện quân. Họ sẽ buông tay khỏi ròng rọc để rơi xuống đúng khoảng mặt sông lấp lánh đó.

- Đúng! – Chương đáp – Và ngay khoảng thành núi gần đấy chúng ta có thể tổ chức địa hình huấn luyện leo núi, trượt núi.

- Ờ ờ... Và cuối khu rừng kia, đúng là vùng sinh lầy để huấn luyện quân ta sáu tuần cuối cùng!

Đôi bạn đương hăm hở ôn lại thuở nào họ thụ huấn sinh lầy ở Dục Mỹ, Nha Trang. Cả hai cùng nheo mắt. Có thể họ đương ôn lại cảnh leo heo: “bốn chân” bám lấy dây, đầu dốc ngược, trông xa như đàn heo bị trời khiêng về lò thịt. Và hai tuần sinh lầy cuối cùng, hai tuần không tắm rửa, đêm phải cởi áo... cho ấm vì áo ướt sũng nước muối, đeo vào người chỉ tổ lạnh.

Chương lên tiếng:

- Tôi còn nhớ tuần đầu tiên ra trường, chúng ta hành quân ở Đức Lập – Ban Mê Thuột. Nhá nhem tối, tôi vừa xuống suối lấy nước thì bên kia bờ có tiếng trộ trộ giọng Nghệ An: “Ủa, sao mi sang bên nớ, gặp địch toi mạng đó mi!” Rồi chỉ một tích tắc, cả hai cùng nhận ra là tử thù của nhau, nó phản ứng nằm lăn xuống nấp sau gốc cây và rút súng lục bắn cũng lẹ bằng mình, cả hai cùng thoát, rút sâu về hai bên bờ suối. Giá kỷ niệm chiến trường cứ thuận như vậy thì vui!

Huynh góp kỷ niệm với bạn:

- Vừa ra khỏi trường, được biệt phái về Vùng Bốn Chiến thuật dự trận Cao Lãnh, tôi đứng sau thân cây, đứng hiên ngang theo đúng tác phong Biệt động quân thì người xa

thủ trung liên nằm nép sát dưới chân, cũng nấp sau gốc cây, không may bị đạn địch trúng đầu, óc phọt ra tung tóe – giống hệt những hạt bắp trắng nhuộm phốt phẩm hồng. Vì đó là lần đầu tiên chứng kiến cảnh chết ở chiến trường chẳng nên tôi nhớ hoài nhớ mãi tới giờ! Càng về sau lòng mình càng chai đá đi! Lần cuối cùng, trước khi giải ngũ, tôi thu dọn chiến trường: Hai người đàn bà có mang bị bắn lòi thai nhi lẫn với cơm và than lửa tung tóe, xung quanh còn rải rác gần một trăm xác lính quốc gia nhà. Vậy mà tôi vẫn không cảm thấy ghê rợn bằng kỷ niệm nhớ lại màu óc trắng phọt ra như những hạt bắp nhuộm hồng lần đầu!

Chương chợt đứng thẳng người vươn vai như để xua đuổi những kỷ niệm đen tối của chết chóc và nói:

- Cái khổ của người lính bút nào mà tả xiết cho được! Đạo đó đọc báo Sài Gòn mình luôn luôn muốn chửi cha những thằng cầm bút nào hô hào đánh cho khỏe. Cứ kéo những thằng đó cho đi hành quân một chuyến! Nhớ lần tiểu đội Biệt kích của tôi hành quân trong rừng tỉnh Quảng Trị. Lần đó một người trong bọn tôi bắt sống được một dân quân mà chẳng hiểu về sau thế nào bị đối phương lật ngược thế cờ, dùng radio của mình đánh lừa để tóm gấn trọn ổ. Tôi là kẻ thoát duy nhất suýt chết đói trong rừng, lần mò ra được bờ biển, rồi về cửa Thuận An bằng thuyền nhỏ.

Thấp thoáng bóng Linh đương theo đường lên dốc, tay cầm hai hộp Coca-Cola.

Kỷ niệm chiến tranh của hai người là một vùng mê hoặc. Đã không nhắc đến thì thôi, động nhắc tới là càng muốn dút ra, kỷ niệm chiến trường càng ùn ùn kéo tới đen kịt và hung

bạo như mây bão. Họ cùng là sĩ quan trừ bị năm 1962, rồi ra thụ huấn thêm sáu tuần Biệt động quân tại Dục Mỹ, Nha Trang. Sau nửa năm hành quân cùng đơn vị, Chương chuyển sang Biệt kích, một lần theo đội lính Dù ra Bắc vào tháng 7-1963. Cả hai cùng được giải ngũ vào năm 1966 và cùng đi Mỹ vào năm 1967. Chương được học bổng của AID, theo học tại Đại học đường Ohio; Huynh, con nhà giàu, du học tiên nhà, theo học tại Đại học đường Maryland. Học xong Cao học, Huynh “hủ hóa” (lời Chương thường nói đùa) tự nhiên đi mê gái, kết duyên với Linh cũng là con nhà giàu mới ở Việt Nam sang, rồi tạm ở lại Mỹ. Mãi tới 1969 – sau biến cố Mậu Thân một năm – Chương mới xong Tiến sĩ ngành Sử học, về nước chưa chịu lấy vợ, sống nửa êm đềm riêng tư phóng túng kể sát với gia đình người anh, làm chú ba đứa cháu, hai trai một gái. Vô tình, Chương tuột thoát vòng chiến tranh, trong khi chiến trường càng về sau càng ác liệt gấp bội. May mắn đấy nhưng Chương luôn luôn có cảm tưởng ray rứt mình là kẻ trốn tránh trách nhiệm như kẻ đào ngũ. Chàng ném hết mình vào công việc mới, mà không làm chệnh cán cân là bao – bên kia cán cân là những sinh mạng bị đốn ngã trong cuộc chiến!

2

Giá như Linh chưa về hai người còn ôn lại kỷ niệm chiến tranh.

Về nước qua đi bốn năm, Chương được trường cũ tiếp xúc

mời sang phụ trách một giảng khóa ba tháng về Lịch sử Việt Nam qua những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Hoàn tất xong giảng khóa, Chương đến với tiểu gia đình Huynh nghỉ xả hơi mấy ngày ở tiểu bang Pennsylvania này, rồi hôm nay chàng lại theo vợ chồng bạn tới Port Jervis lấy vé xe lửa đi Harpers Ferry (West Virginia) thăm gia đình một cụ già Mỹ đỡ đầu cho Linh và ăn lễ Thanksgiving ở đây. Căn bệnh mê ly nhất của Chương là đi lang thang. Trước đây chàng khoái cuộc đời quân đội cũng chỉ vì được phục vụ một đơn vị chuyển dịch hoài hoài trong thiên nhiên.

Huynh vốn chẳng lạ gì tình bạn nên đã có lần nói đùa: “Này Chương, cậu yêu thiên nhiên để bằng nàng Artemis trong thần thoại Hy Lạp yêu chàng Endymion.”

- Chuyện nàng Artemis và chàng Endymion ra sao? – Chương hỏi.

- Nàng Artemis tức Diana là Nữ thần Mặt Trăng, em sinh đôi với thần Mặt Trời Apollo. Nàng trong trắng và là nữ thần hộ mệnh của các trinh nữ. Một lần sau cuộc săn vất vả, nàng khỏa thân xuống tắm dưới một dòng suối. Có chàng hoàng tử đi săn tên Acteon tò mò... dòm!

Chương phá lên cười:

- Thấy mẹ!

Huynh tiếp:

- Đừng tưởng bở! Chàng bị Artemis hóa thành hươu, rồi bị chính đàn chó săn của mình phanh thây. Tuy nhiên nàng chỉ nghiêm khắc với phạm nhân thôi, một lần bắt chọt gặp chàng Endymion, một thứ Phan An, Tống Ngọc Hy Lạp ngủ ở

trưởng, nàng say mê chàng đến nỗi hiện xuống tự ý làm tình với chàng trong lúc chàng ngủ, có với chàng năm chục con gái mà vẫn còn hằng đêm đi lại với chàng. Endymion vốn là con thần Zeus và bà Calyce, được cha ưng ban phép cho trẻ mãi, ngủ mãi và bất tử.

- Như vậy coi mòì chàng sung sướng hơn bất kỳ vị thần nào trên núi Olympus.

- Dĩ nhiên, trong những cuộc ái ân tuyệt vời với nàng Diana trong mộng... (giọng Huynh nhấn mạnh) như cậu yêu thiên nhiên!

Ngày đó Chương đã cười thật tình, vì quả thật chàng thống khoái cuộc sống lang thang giữa thiên nhiên y như cuộc làm tình mà chàng Endymion tốt phước được thụ hưởng trong giấc mộng vàng bất tuyệt với nữ thần Hằng Nga Diana.

Tự nhiên Chương nhớ đến cha mình xưa. Không rõ có phải chàng gián tiếp chịu ảnh hưởng tình cảm của cha? Cụ chỉ bày tỏ lòng ham sống giữa thiên nhiên mà chẳng hề một lần ngỏ lời ca ngợi thiên nhiên. Tuy nhiên với đám người chỉ biết sống quanh quẩn và chui rúc ở thành phố cụ có một thành ngữ, hình như đượm màu khinh bỉ thì phải, gọi họ là: "Lũ uống nước máy!"

Lần này trên đỉnh ngọn Tri-States Rock, chàng kể với vợ chồng Huynh:

- Trước 1945 tôi đã sống nhiều năm liền với thầy tôi, người dạy học tại một huyện heo hút thuộc Tuyên Quang. Huyện lỵ này có tên thật đẹp: Hàm Yên (ngâm khó!) Đồn binh thì lại mang cái tên khủng khiếp: Bắc Mực. Thời thực dân Pháp, những địa danh Bắc Quang, Bắc Mực quả thực gợi hình ảnh

ma chê quỷ hờn của chốn rừng thiêng nước độc. Anh chị biết không, dân sống ở đồng bằng nghe nói đến hổ, đến gấu thì sợ, tôi và đám nhóc đồng niên ở Hàm Yên vác gậy tre vào rừng đôi khi đuổi hổ như đuổi chó. Có lần tôi theo bác lính lệ vào rừng gặp một ổ hai chú gấu mới đẻ, vừa định ăn cắp một chú thì gấu mẹ về. Trời, mẹ gấu ghen con, nó hầm, nó hè, nhất định tử chiến với bác lính lệ làm tôi phải chạy về cầu cứu thêm mấy bác lính nữa, gấu mẹ mới chịu ôm con rút lui. Ấy người và vật chỉ đụng chạm nhỏ đại loại như vậy, ít khi có vụ đổ máu.

Huynh hỏi:

- Còn về săn bắn, những người ở chốn đó săn bắn gì?

- Tôi còn nhớ thấy tôi và các bạn khoái nhất và hãnh diện nhất về thành tích săn hoàng trĩ – tiếng Pháp *faisan doré*.

- Còn có loại bạch trĩ sao?

- Có chứ, tiếng Pháp *faisan argenté*. Nhưng đã đi săn thì phải săn hoàng trĩ, còn săn bạch trĩ, các tay sành điệu cho là trò trẻ , con nít như tôi thời đó săn cũng được.

- Khác nhau chỗ nào?

Chương vung tay, vô tình tóc xòa theo gió cùng hướng với một vùng mây khói đương trôi trên cao:

- Khác nhau chỗ nào ư? Tôi còn nhớ thấy tôi nói thịt bạch trĩ thớ cứng, muốn bỏ lò phải bọc một lần mỡ; còn hoàng trĩ thì khô phải nói, thịt quay thơm dòn đến xương. Riêng tôi vẫn nghĩ sở dĩ các cụ khoái trĩ vàng chỉ vì săn trĩ vàng công phu quá. Trĩ vàng không đậu tênh hênh trên cây để ai muốn bắn thì bắn như bạch trĩ. Hoàng trĩ ở trong bụi, mình phải theo dõi để biết trước là trĩ thường đi uống nước buổi trưa khoảng

sưởi nào, để rồi trở về khoảng bụi nào. Sáng sớm mang chó đi, chó và người cùng khôn khéo rất đúng điệu khi tới vùng có trĩ vàng cư ngụ. Người dán mắt vào chó. Chó đang đi từ tốn, bỗng nằm bẹp xuống: đó là chó báo hiệu cho người biết có trĩ trong bụi. Chó lết đi cực kỳ thận trọng, chột đuôi vểnh lên ngoe nguẩy, đó là chó báo hiệu đã tới mức tư thế chuẩn bị bắn, rồi bắt chột ra lệnh: “Hốp!” Chó nhảy vút lên như bị lò xo đẩy, trĩ vàng vù bay. Người bình tĩnh đợi chim bay lên vừa đủ chiều cao mới lấy cò. Chim trúng đạn bay lảo đảo, nhiều khi lạng đi một quãng khá xa nữa. Tới đó lại là công con chó tinh khôn, nó theo dõi, qua suối, qua bụi gai và ngoạm cổ trĩ mang về, ngoạm rất khéo để khỏi làm hỏng lông trĩ.

Huynh tùm tùm nhìn Chương, vừa thưởng thức câu chuyện, vừa thưởng thức chính giọng kể chuyện say mê của bạn. Nhưng Chương không hề chú ý tới, chàng tiếp:

- Bắn trĩ công phu và khó như vậy nên bắn trượt một lần là xấu hổ hàng tháng! Thấy tôi kể, có lần một ông thanh tra người Pháp tới, được nhã nhận mời đi săn vì ông là dân mộ điệu. Tuy nhiên thấy tôi không tin cẩn ở tay súng ông ta chút nào. Khi thấy tôi ra lệnh “Hốp” cho chó nhảy vào bụi xua trĩ lên, ông thanh tra Pháp kém bình tĩnh không đợi chim bốc lên đủ chiều cao đã lấy cò, thấy tôi vội hô “*Baissez la tête!*” (Cúi đầu xuống!) rồi bắn tiếp một phát. Tế nhị lắm, thấy tôi nói khéo: “Ông bắn đã trúng, xin phép ông tôi bồi thêm cho chắc!” Tôi nhớ khi nào nhà ăn thịt trĩ vàng, y như trên lò sưởi có quả đu đủ chín cắm phủ lông trĩ, trông xa như hệt con trĩ nằm phục dưới bụi, rồi lúc vào bữa ăn, thấy tôi lại bóp một cái kèn cũng do tự tay thấy tôi làm, kèn kêu “quéc, quéc” hệt như tiếng trĩ. Còn loại gà gô thì thiếu gì, muốn ăn là có liền.

Chương bỗng ngừng lại, chẳng phải tới đây là hết chuyện sẵn sẵn, mà chính vì tới đây mới là ý chính cần đốt đuốc lên nhìn:

- Tôi thụ hưởng lòng yên thiên nhiên của thầy tôi ở đây. Thầy tôi yêu thiên nhiên còn có phần cuồng tín hơn tôi nhiều. Như đã nói, thầy tôi gọi một cách khinh bỉ đám người chỉ biết ru rú ở thành thị là “lũ uống nước máy”! Bất kỳ một hành vi bất nhân bất nghĩa nào xảy ra tại Hà Nội đăng tải trên các nhật báo Hà Nội đạo đó đều được thầy tôi phê bình một câu ngắn gọn: “Lũ uống nước máy mà!”

3

Gió càng giá lạnh với bóng chiều tà. Cả ba trở lại thị xã Port Jervis ăn chiều ngay tại nhà ga, rồi lên toa Pullman với ba phòng nhỏ riêng, nhưng chỉ có Linh sử dụng trọn vẹn phòng của nàng để nằm nghỉ, còn Chương và Huỳnh thường ở cùng một phòng nào đó của nhau để tán gẫu suốt dọc hành trình Port Jervis – New York – Washington D.C. và Harpers Ferry.

Đêm đó tuyết rơi trái mùa, cao gần nửa thước, đài phát thanh đã báo trước mà vẫn như thể tuyết rơi bất thành linh, có hàng vạn người lái xe tại khắp các ngã xa lộ lớn nhỏ bị kẹt, đành phải ngồi trong xe chờ sáng. Ấy là không kể hàng trăm tai nạn xe hơi trượt bánh khác.

Cụ già người Mỹ, vị đỡ đầu Linh, đã trên bảy mươi tuổi, nhà

ở trên đỉnh đồi cao, nhìn ra bốn phương thấy ba tiểu bang: Virginia, West Virginia và Maryland. Cụ ở có một mình, cụ bà mất đã được hai năm nay. Cụ tha thiết mong vợ chồng Huynh và Chương tới là vì vậy.

Giữa tiệc, cụ vừa tiếp thêm thịt gà tây vào đĩa của Chương vừa hỏi chàng:

- Tới đây và nghe tên làng Harpers Ferry không biết anh có biết và chuyện John Brown không nhỉ?

- Dạ thưa cụ cháu có mang máng biết. — Chương đáp. Lịch sử nước cháu có nhiều vị anh hùng áo vải như vậy lắm, thấy sự bất bình là khởi nghĩa. Tuy nhiên thưa cụ, cháu cũng không còn nhớ nhiều chi tiết về vụ khởi nghĩa bên dân nô lệ da đen này của John Brown. Cách đây hơn một trăm năm rồi còn gì!

- Phải, vào năm 1859 đấy, tôi nhớ chứ! Ông đánh phá, cướp súng đạn được mấy đồn thì cuộc hành quân giải phóng các nông trại của ông bị quân đội liên bang dẹp tan. Sau khi ông bị treo cổ, người da đen tôn sùng ông như thần thánh. Có người nói ông hiển linh. Cũng không lâu sau đó, cuộc nội chiến Hoa Kỳ bùng nổ.

Câu chuyện cứ như vậy diu diu kéo dài cho đến khi dùng đồ tráng miệng. Tịnh không có một lời nào về thời sự Việt Nam. Thực khác hẳn với năm, sáu năm trước đây, hồi Chương còn là sinh viên đương theo học, thời sự Việt Nam là câu chuyện cửa miệng giữa thầy trò cũng như giữa dân chúng bên ngoài — lời nói thường hàm ngụ oán trách “vì Việt Nam mà Hoa Kỳ sa lầy”. Đã có trường hợp một nữ sinh viên Việt Nam ở một trường đại học thuộc tiểu bang Louisiana cãi nhau với thầy, vì ông thầy có thái độ bất công với miền Nam Việt Nam về cuộc chiến và

cô xin đổi trường sang tiểu bang Florida kế cận. Nhưng kể từ ngày vụ Mỹ Lai được tố cáo bằng tranh ảnh màu trên báo chí Mỹ, rồi kể tiếp hoặc công khai, hoặc úp mở, báo chí Mỹ đề cập đến nhiều vụ khác dưới nhiều hình thức khác, người dân Mỹ mới chợt hiểu là bên việc Mỹ tới giúp người Việt miền Nam ngăn chặn làn sóng đỏ, quân đội Mỹ và chính trị Mỹ cũng đã một mặt khác mang lại nhiều họa lớn nhỏ chồng chất lên đầu người dân Việt và phần nào làm người Việt miền Nam sa lầy cứ không hẳn chỉ người Việt miền Nam chịu trách nhiệm làm cho Mỹ sa lầy.

Hôm sau, Chương từ già cũ và cặp vợ chồng Huynh-Linh, ngược đường trở lại Virginia, cố ý chọn chuyến buýt sẽ tới Chesterfield khoảng gần mười hai giờ khuya.

4

Ngược đường trở lại Virginia, Chương cố ý chọn chuyến buýt sẽ tới Chesterfield khoảng mười hai giờ khuya. Nguyên do khoảng sáu năm về trước, Chương có đến ăn Christmas vào đêm 24 với gia đình một người bạn học người Mỹ đã có vợ con ở gần Mount Vernon thuộc tiểu bang Virginia. Sáng ngày 25, Chương theo vợ chồng, con cái bạn tới thăm mẹ bạn ở quận Stafford. Ngày đó cụ bà đã khoảng sáu chục tuổi, góa chồng từ mười năm trước – hồi cụ còn làm điều dưỡng viên tại một nhà thương trong quận. Cụ sống cô độc tại một căn nhà xinh xắn

ngay bên bờ dòng suối đẹp Stafford Brook. Khi Chương cùng tiểu gia đình bạn tới thì trong nhà cụ còn một người bạn hàng xóm, ấy là một cụ ông trên sáu mươi tuổi, cũng sống cô độc và không có con cháu gì cả.

Dịp Lễ Giáng Sinh của người Âu Mỹ vẫn là dịp của gia đình đoàn tụ, nào khác gì đêm Ba mươi Tết của Việt Nam. Bữa tiệc đoàn viên cuối năm ấm cúng làm sao, trong khi bên ngoài tuyết phủ trắng xóa, cả vòm trời như một hang động với thứ ánh sáng giao thoa huyền ảo lạ lùng. Lúc dùng cà-phê là lúc trao quà. Bạn Chương được cụ cho chiếc sơ-mi bằng thú tơ trắng nõn. Anh chạy lại hôn mẹ và nói với cả nhà: "Tôi lớn ngần này mà còn được mẹ săn sóc mua áo lót mình cho!" Cụ cảm động rưng rưng nước mắt. Vui câu chuyện, cụ giới thiệu thêm ông cụ bạn hàng xóm xưa là nhạc sĩ đánh trống trong đoàn quân nhạc. Cả nhà bỗng đề nghị cụ đánh trống. Dĩ nhiên nhà không thể sẵn thứ nhạc cụ đó, cụ bèn kiếm được hai thanh que dài làm dùi trống và dùng một chiếc nệm ghế giả làm mặt trống, rồi cụ làm điệu đánh trống theo những cử động thật nhịp nhàng và thật nghiêm chỉnh, y như cụ đương hòa tấu trong ban quân nhạc thật. Mà quả vậy, rõ ràng cụ đánh "trống đệm" say mê theo một bản quân nhạc còn sống động trong trí nhớ cụ. Bỗng một chiếc dùi bị gãy, một nửa văng mạnh vào góc nhà. Cụ không chịu ngừng vì bản nhạc trong trí cụ chưa tới đoạn kết. Với một tinh thần trách nhiệm tự giác đặc biệt Mỹ, cụ đánh thêm một số nhịp, cử chỉ của cụ dịu dần... dịu dần... theo đúng kiểu Rallentando diminuendo đoạn cuối một bản nhạc. Rồi ngừng đúng với bản nhạc trong trí vừa chấm dứt. Lẽ cố nhiên ai nấy vỗ tay nồng nhiệt. Chắc chắn chưa bao giờ, tại xứ hai trăm triệu dân, kỹ nghệ hóa hàng đầu thế giới, mà lại có được cuộc hòa nhạc siêu âm thành kính đến như vậy.

Đến khi lũ con cháu đứng dậy từ biệt ra về, cảnh đó thật nào lòng, Chương khó quên được. Người mẹ già cô đọc ôm lấy từng người con, cháu, dâu, cháu hôn mà nước mắt lưng tròng. Vì vậy, Chương giữ vững thư từ thăm cụ từ đây – hồi còn ở Mỹ cũng như khi đã về Việt Nam. Một lần cụ viết thư ngỏ ý thích nghe dân ca Việt Nam, Chương đã đích thân thu ngay một băng những bài dân ca điển hình của ba miền Trung, Nam, Bắc với bản dịch Anh văn lời ca được đánh máy đính kèm và gửi sang biếu cụ ngay bằng đường hàng không.

“Anh chu đáo quá làm tôi phát khóc!” (*Your thoughtfulness makes me cry!*) Đó là dòng chữ duy nhất trong bức thư cảm ơn của cụ khi cụ nhận được băng nhạc.

Bất kỳ cái đẹp chân thực nào – Chương vẫn nghĩ vậy – đều có khả năng đem lại cho người ta niềm vui muốn khóc. Vì yêu thiên nhiên, vì thích đi nhiều nên dường như Chương được phú bẩm về trực giác kiến tạo những “niềm vui muốn khóc” không riêng gì cho người mà cho chính chàng nữa. Chàng đã đi nhiều, chắc hẳn chàng còn tiếp tục đi nhiều nữa, nhưng dấu chân của chàng chỉ là *dấu-chân-cát-xóa* chẳng để lại gì, nhưng đâu có vì vậy mà chẳng cố gắng gây thêm rung động của những niềm vui muốn khóc – chàng luôn luôn tự nhủ vậy. Phương châm đó nay đã thành nếp sống, nếp phản ứng vô thức của chàng.

Your thoughtfulness makes me cry! Tất nhiên khi trở lại Mỹ lần thứ hai này, Chương có viết thư báo cho cụ hay và hứa sẽ tới thăm cụ, nhưng không nói ngày nào sẽ tới. Chương còn nhớ vào hôm thứ Hai, thứ Ba hàng tuần, cụ làm việc tại nhà thương từ tám giờ tối đến mười hai giờ khuya. Xe buýt

Greyhound tới Stafford khoảng mười một giờ rưỡi. Chương thuê xe taxi đến ngay trước cửa nhà thương, chàng chỉ phải đợi chừng năm phút dưới cơn mưa tuyết, đã thấy cụ từ bên trong đi ra. Chương đã khéo sử dụng sự đúng giờ của Mỹ cho một cứu cánh tình cảm Việt Nam. Khỏi phải nói sự bất ngờ đó làm cụ mừng mừng tủi tủi y hết cụ gặp thằng con ruột của cụ vừa dự cuộc chiến ở Việt Nam về. Cụ ôm lấy Chương vừa cười vừa khóc dưới tuyết, “*You make me cry! You make me cry!*”

Về nhà cụ cho chạy ngay băng dân ca Việt Nam mà Chương gửi biếu ngày nào. Bên ngoài nổi gió, và thấp thoáng dưới ánh đèn những cánh tuyết rơi càng tới tấp. Cụ đun cà-phê, mùi thơm ấm áp, cụ hấp tấp loay hoay mở hộp bánh loại *selected biscuit assortment* rồi vừa cùng ăn bánh uống cà-phê vừa hàn huyên, nghe nhạc dân ca Việt Nam, những bài “Đền Cù”, “Lý Con Sáo”, “Lý Chim Khuyên”, “Se Chỉ Luồn Kim”... Mãi đến bốn giờ sáng Chương mới được ngủ, cụ làm giường cho Chương ở chiếc đi-văng ngay phòng khách. Bên ngoài tuyết đã thấp thoáng cao gần tới cửa sổ. Tiểu gia đình con trai cụ - bạn học của Chương – đã chuyển đi Miami, thành phố cực Nam Florida, làm ăn từ hơn một năm nay.

5

Hôm sau, ăn cơm trưa với cụ xong, Chương lên đường

đi ngay Goldsboro thuộc North Carolina, tiểu bang kế cận (chương trình ngao du chàng đã hoạch định sẵn trên giấy và thuộc lòng trong bụng.) A, a, nơi đây chàng sẽ gặp một thằng bạn thân thiết tên Joe, cùng đồ với chàng một khóa. Cái thằng cha bê bối này! Nguyên hấn có vợ và hai con rồi mà còn mê một cô học trò của chính hấn (hấn vừa học Ph.D, vừa dạy) rồi ly dị vợ. Đúng cái ngày hấn mũ áo vinh quy, người vợ - cũng là bạn Chương - quyết định đem lũ con dời đi Los Angeles. Chính Chương phải giúp chị một tay thu xếp đồ đạc, mang mấy đứa nhỏ đi ăn trưa tại cafeteria của Đại học, rồi tiễn ba mẹ con ra tận phi trường. Thằng cha thật bê bối - Chương luôn luôn nghĩ về Joe như vậy! Nhưng nếp sống Mỹ, tình cảm rất sòng phẳng, vợ chồng khi đã biết không thể ăn ở với nhau được nữa thì ly dị, không ai tỏ vẻ oán ai. Lương người chồng đã được tòa án phân xử, tháng tháng khấu ra một phần chuyển về bên vợ, thế là xong! Joe là người bạn đồng học cũ nhất và tận tâm nhất của Chương.

Tới Goldsboro, đến lượt Chương được hưởng niềm vui bất ngờ muốn khóc. Thì ra từ sau buổi dự lễ tốt nghiệp lính bằng, những bạn đồng khóa của Chương ở Mỹ cũng chẳng anh nào có dịp gặp lại anh nào. Nay có tin Chương tới, Joe bèn truy lùng địa chỉ của mấy bạn vùng quanh, hẹn quy tụ tại nhà chàng: Bill từ Florence bên South Carolina, Phil từ Knoxville bên Tennessee và Bob từ Athens bên Georgia. Cả bốn cùng ra đón chàng ở bến xe buýt, Phil nắm chặt tay chàng nói "Chào người từ cõi chết trở về" rồi cả hai cười lớn.

Nguyên do vào một ngày cách đây hai năm, Chương còn ở nước nhà, báo chí Việt Nam và Mỹ nhất loạt đăng tải tin "Giáo sư Tiến sĩ kiêm chính khách Nguyễn Chương bị ám sát bằng

lựu đạn trên đường từ trường về nhà.” Phil đọc trên báo Mỹ chỉ thấy ghi Giáo sư Tiến sĩ Chương (báo Mỹ làm sao phân biệt được *Chương* với *Chương*) bị ám sát bằng lựu đạn thì tin ngay kẻ xấu số là bạn mình, bèn viết ngay lá thư dài phân ưu cùng gia đình Chương và ân cần hỏi xem Phil có thể giúp đỡ được gì (ý nói về tài chính). Chương đã cười bò, vừa vui vừa cảm động và trả lời Phil bằng lá thư dài gấp đôi, chia vui với Phil đã... *bé cái lắm*.

Tối nhà Joe, ôi chao, tiệc rượu tầy trần, đúng là tiệc rượu tầy trần! Bốn người bạn trẻ ôn lại thời gian “hỏa ngục” mấy tháng cuối cùng học thi phần Qualifying Exam của khóa trình Tiến sĩ. Không kể thời gian vui đầu ở thư viện, đi cafeteria cũng mang theo sách, thậm chí thời gian học ở nhà lúc vào nhà cầu cũng khư khư ôm theo sách. Chương, “kẻ về từ cõi chết”, nhắc đùa một kỷ niệm về Phil. Ngày đó Phil ở một apartment ngoài campus, ba tuần cuối trước khi thi, Phil cúp mọi hẹn hò, chính cô bạn phải lại ở với Phil suốt dịp cuối tuần, làm sandwich cho chàng, pha cà-phê cho chàng và vào dịp Phil quá mệt mỗi với sách vở thì nàng để chàng làm tình – gọi là để... thay đổi không khí – ham hố đấy nhưng vẫn vội vã. Nhiều khi – Phil thú thật với bằng hữu – Phil nằm thẳng cẳng ủy thác mọi động tác cho cô bạn đảm đang cho đến khi hoàn tất.

Lần này, nhắc lại kỷ niệm đó của Phil, Chương thêm câu: “Cậu đúng là chàng Endymion trong thần thoại Hy Lạp.”

Lẽ dĩ nhiên Phil hỏi Endymion nào. Và Chương kể lại chuyện Endymion với nữ thần Diana. Cả bọn lại được dịp cười nắc nẻ.

- Cha cha! – Lời Phil – Ai bảo nợ sách đèn không vất vả ngang với điều khiển máy cày, máy ủi, cần trục hay làm phu mỏ.

Đã ngà ngà say, Chương nheo mắt nhìn Phil, nhớ lại suốt khoảng thời gian học gay cấn đó, Phil luôn luôn chỉ có chiếc xi-lip che thân, gọi là kín hơn ông Adam một chút, kể cả khi Chương tới cùng thảo luận về một chương sách nào. Và tuy không hỏi, Chương cũng thừa biết cô bạn gái kia của Phil vào những ngày tiếp tay đó chắc cũng chỉ tự nhiên hơn bà Eva chút xíu cho tương xứng. Hể Chương uống cạn ly đây là Joe đã tới châm cho đầy ly cạn. Bốn anh em đồng học tiếp tục chuyện trò và cùng cười gập người lại mỗi khi ôn tới loại kỷ niệm điển hình tương tự, quên khuấy còn có vợ Joe là bà chủ nhà nữa. (Joe cũng đã có với cô vợ mới một bé gái và hai người thỏa thuận *tổp* ở đây.)

Chương đã khá say, chàng ngồi xuống chiếc ghế bành nệm nhung lớn. Giờ đây nheo mắt lại, chàng chỉ thấy bóng các bạn mờ mờ nhân ảnh, khi xa khi gần. Họ có phần còn say hơn chàng nữa. Thốt nhiên, Chương nhớ đến câu chuyện ôn lại quãng đời chiến binh mấy hôm trước đây cùng Huynh trên mỏm Tri-States Rock, lấp lánh tí dưới xa dòng sông như sợi chỉ bạc, Neversink. Chàng trìu mến ôn thâm trong trí thời gian thụ huấn sáu tuần Biệt động quân ở Dục Mỹ, Nha Trang. Chỉ trong một loáng, chàng nhớ lại cả dòng Dakbla ở ngoại ô thị xã Kontum, nhớ lại những cuộc hành quân ở Đức Lập, Ban Mê Thuột, nhớ lại màu óc tung tóe của người chiến hữu xấu số trông như những hạt bắp trắng nhuộm phớt phẩm hồng, nhớ lại thuở là kẻ sống sót duy nhất trong rừng thuộc Quảng Trị, đói khát, nhưng cũng dùng được thuyền nhỏ vượt biển tới cửa bể Thuận An... Chỉ một loáng, Chương nhớ lại tất cả những thứ đó. Chàng mỉm cười nghĩ, kể cả người sắp chết cũng chỉ có thể ôn nhanh đến thế là cùng. Chàng thấy như cuộc đời cự

chiến binh xưa cũ với cuộc đổ đạt và đi giảng dạy trên trường quốc tế ngày nay là hai cuộc đời của hai cá nhân riêng biệt hẳn. Chương cố rướn mắt lên tìm lại trong trí khoảng chấp nối của hai mảnh đời khác biệt đó để yên chí rằng sở hữu chủ hai thế giới bảo tố là mình. Nhưng... chàng say quá rồi! Mọi ý nghĩ nhòe góc cạnh, ý chí tìm kiếm sau cùng chỉ còn là một nét chập chờn ma trơi.

CHƯƠNG HAI
câu chuyện trong đêm

Từ biệt lữ bạn đồng khóa, Chương dùng đường hàng không từ Raleigh, thủ phủ North Carolina, đi Rockford, đô thị lớn thứ nhì của Illinois sau Chicago, thăm vị giáo sư bảo trợ cũ mà thực chẳng khác người tri kỷ. Ông thoạt không để ý chút gì đến địa danh Việt Nam là trung tâm hỏa ngục của cuộc tranh chấp ý thức hệ đương làm sôi nổi dư luận nước Mỹ và toàn cầu. Vào một dịp Âu du, qua Paris, ông cùng một người bạn già khác tới Collège de France nghe một vị giáo sư khả kính người Pháp thuyết trình về một khuôn mặt anh hùng Việt Nam: Nguyễn Trãi đời Lê, tiền bán thế kỷ XV. Hôm đó vị giáo sư Pháp giới thiệu kỹ bài hịch “Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi mà ông cho là một trong những áng văn tuyệt tác của nhân loại. Giáo sư thoãn thoắt viết những dòng chữ Hán lên bảng như một cụ đồ nho chính cống. Giáo sư có ví Nguyễn Trãi với vị anh hùng xứ ông là Napoléon, nhưng ông thú thực nghiêng cảm tình về Nguyễn Trãi hơn, vì theo ông, một vị tham mưu giỏi lại văn hay nữa bao giờ cũng là một vĩ nhân của nhân loại.

Chính vì vô tình được thưởng thức bài hịch văn của vị anh hùng Việt Nam tiền bán thế kỷ XV, vị giáo sư Mỹ mới để ý chút ít đến Việt Nam. Trở về Mỹ, ngay khóa học mùa xuân đó, ông

nhận làm giáo sư bảo trợ cho Chương. Sau Chương, ông còn làm giáo sư bảo trợ cho hai sinh viên Việt Nam khác. Chương là học trò nhưng rồi chẳng bao lâu là bạn thân với cả gia đình gồm hai vợ chồng và ba con – một gái, hai trai – chỉ vì thời gian viết luận án Chương thường được ông đưa về nhà vào dịp cuối tuần, thầy trò thả thuyền câu trên một cái hồ rộng giữa khu rừng kế cận, rồi vừa câu vừa sửa chữa những trang đã viết, hoặc bàn về các chương mục kế tiếp, nội dung phải viết, tài liệu phải tham khảo. . . Ngày Chương thi đậu, chính ông tổ chức tiệc trà mời một số giáo sư cùng bằng hữu của Chương tới dự ngay tại nhà. Chương còn nhớ lắm, chàng cảm động vô cùng khi chàng cùng bằng hữu tới thì có tiếng một tràng pháo đốt, dài y như pháo cưới, sau cùng có cả tiếng pháo ùng chấm dứt. Đó là tràng pháo của chú bé Dave, mười bốn tuổi, đốt mừng. Chú nhờ mua bánh pháo tận phố Tàu. Ngày Chương thành tài về nước thì cô gái lớn của ông thầy chàng, mười tám tuổi, qua châu Âu du học tại Ý. Rồi hai năm sau, ông thầy chàng cũng thôi không ký hợp đồng với trường cũ, mà nhận dạy tại Đại Học New York. Vì vậy mà lần này tới phụ trách giảng khóa về Lịch Sử Đối Kháng Của Dân Tộc Việt Nam, Chương không gặp thầy cũ, và cũng đúng dịp dự tiệc cưới cô con gái đầu lòng của ông đã du học Âu châu về từ năm ngoái, đương dạy môn Văn Minh Cổ La Mã tại phân khoa văn học ngay tại Đại học đường Illinois.

Ông thầy nói với Chương bằng một giọng trầm tĩnh: “Thật là hi hữu, anh đến với gia đình tôi vào đúng lúc chúng tôi sắp phân tán mỏng, thật mỏng!”

Thì ra trong tiệc cưới này có sự hiện diện của bà dì cô dâu từ Luân Đôn tới, ông bác cô dâu từ Los Angeles lên. Tiệc cưới tan, cô dâu chú rể tất nhiên đi hưởng tuần trăng mật, rồi sau

cùng về dạy tại Đại học đường Kentucky. Ông bác, bà dì ai về nhà nấy. Dave vừa đến tuổi nhập ngũ. Tom, cậu em, vào nội trú năm cuối trung học. Riêng vợ chồng ông thầy dọn hẳn đi Boston, trang trại này đã đem bán xong xuôi đầu đấy. Chương ghi địa chỉ mới, cùng số điện thoại của thầy tại Boston. Tiệc cưới đó chàng dự thật vui mà cũng thật buồn, tưởng như chàng tham dự sự phân ly của chính gia đình mình.

Người Việt Nam nặng óc gia đình – Chương nghĩ – thì dù có phân ly năm châu bốn bể, cuộc họp mặt vẫn gắn gũi với lẽ đương nhiên. Nhưng gia đình của ông thầy chàng thuộc một nền văn hóa khác, cá nhân được tự do hơn, thành thơi hơn, nên cuộc ly tán đến như thế kia thì khó lòng có cuộc tái hợp đầy đủ. Nhất là mái tóc của ông thầy đã trắng phau! Tới lúc đó Chương mới thật thâm cảm thế nào là “tử biệt sinh ly”! Nửa đêm hôm đó thầy trò còn nói chuyện, hôm sau đã chia tay rồi.

- Sau đây anh về Việt Nam ngay chứ?

- Thưa ông, có lẽ phải ba tuần nữa tôi mới về tới Việt Nam.

- Anh còn đi đâu nữa?

- Thưa, tôi sẽ đi xuống thủ phủ Springfield bằng xe buýt thăm cô bạn gái, rồi từ đấy bay xuống New Orleans thuộc Louisiana thăm gia đình một anh bạn ở cùng phòng với tôi xưa. Anh hiện ở Việt Nam, ngay tại trại Mỹ, gần phi cảng Tân Sơn Nhất, Sài Gòn. Cha mẹ chỉ có mỗi mình anh nên lo cho tính mạng anh ở Việt Nam lắm. Trong khi đó ở Sài Gòn anh sống thật nhàn, anh phụ trách bếp nước cho một ông đại tá nào đó. Tôi có mời anh lại ăn cơm với gia đình tôi vài lần. Tôi có hỏi đùa anh: “Dạo mày cùng ở với tao, mày toàn đi ăn ở cafeteria, tao có thấy mày nấu nướng gì đâu, mà sao nay lại phụ trách

bếp nước?" Anh trả lời: "Ấy ông đại tá cũng chỉ ăn toàn đồ hộp, thành thử mình đâu phải nấu nướng!"

Hai thầy trò cùng bật cười. Ông thầy hỏi:

- Kể đó anh còn đi những đâu nữa?

- Tôi sẽ lên xe buýt dọc theo xa lộ qua các tiểu bang New Mexico, Arizona, Nevada và nhất định tôi sẽ tới Los Angeles qua ngã Thung Lũng Tử Thần. – Giọng Chương nhấn mạnh: *Yes, Death Valley, I said.*

- Anh có vẻ khoái Thung Lũng Tử Thần?

- Thưa việc đó cũng có lý do của nó. Vụ hè đầu tiên ở đất Mỹ tôi có dịp đọc một kiệt tác của Zane Grey, Con Lừa Nhỏ của Chàng Tappan (Tappan's Burro). Có những tác phẩm vì những lý do bí ẩn nào đó, đọc một lần mà nhớ trọn đời! Tôi nhớ cảnh chàng Tappan đi qua Thung Lũng Tử Thần dưới ánh nắng chói lòa trên sa mạc cát bỏng, những tia nắng đã thực sự biến thành những mũi kim xiên thấu da thịt... Nhớ lúc Tappan chịu cơn bão cát giết người về đêm chết ngất trên lưng lừa... Nhớ lúc Tappan lên được đỉnh núi tuyết rồi sống bốn mùa êm ả trên đó. Tình yêu thiên nhiên của Tappan đã tuyệt vời, tình thương của Tappan với con lừa nhỏ Jenet còn tuyệt vời hơn. Cho đến giờ đây đương nói chuyện với ông mà tôi còn nhớ lại tình cảm nghẹn ngào ngày đó khi đọc đến đoạn chót Tappan cứu được con lừa Jenet ra khỏi cơn bão tuyết từ đỉnh cao xuống tới thung lũng thấp có rêu, có cỏ xanh, thì lừa sống mà chủ chết vì kiệt lực. Tiếng lừa "be be" cất lên vang động cả một khoảng núi rừng, mà chủ nó thì nằm bần bật ngay bên chân nó.

Hai người ngừng lại giây lâu, rồi dường như ông thầy cho rằng lần chia tay này có thể là chẳng bao giờ còn gặp lại nhau, ông tự cho phép hỏi một câu tế nhị:

- Anh nghĩ gì về Việt Nam đất nước thân yêu của anh? Tôi thật tình xin lỗi, lẽ ra tôi không được quyền hỏi câu này mới phải.

- Trước đây, ông cho tôi biết ông đã đọc kỹ cuốn biên khảo mang nhan đề “Phản Ứng của Người Việt Nam Trước Những Cuộc Xâm Lăng” trong đó vị giáo sư người Việt đã dịch những bài “Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi, “Hịch Tướng Sĩ” của Trần Hưng Đạo và cả bài kêu gọi nhân dân nổi dậy đánh đuổi quân Thanh của Nguyễn Huệ... Thưa ông tôi sinh trưởng tại miền Bắc, quê hương tôi ở gần bờ biển nơi có nghề làm muối. Thuở đó dù còn nhỏ tôi đã chứng kiến cảnh muối vượt quá độ bão hòa (*oversaturated*) không bốc hơi được, do đó không kết tinh được trông sền sệt và ù lì. Đó chính là trạng thái hiện thời của dân tộc tôi. Tôi muốn nói những người Việt thực sự trực tiếp chịu đựng và gánh vác sức nặng chiến tranh của hai chiều đổ lại: Chiến tranh phá hoại tận tình và tuyệt kỹ của Cộng Sản; chiến tranh bom đạn tuyệt kỹ của Mỹ theo kỷ luật máy tính điện tử. Chúng tôi tất nhiên phải chai lì đến ù lì để tự bảo tồn. Ông có biết gặp trường hợp muối bão hòa phải làm thế nào cho muối kết tinh?

Chương ngừng lại thân ái nhìn ông thầy. Mái tóc bạc phơ của ông hơi bù lên dưới năm ngón tay ông đã vô tình thọc sâu vào. Đôi mắt ông nhìn lại Chương thân ái gặp bội ngày nào chứng kiến Chương biện minh thành công luận án tiến sĩ trước Hội đồng Giám khảo.

- Thưa ông – Chương tiếp – muốn cho muối ở trường hợp đó kết tinh, chúng tôi chỉ cần ném vào một vốc muối đã kết tinh từ ngoài vào. Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi và Quang Trung

chính là những người Việt tinh ròng có tác dụng như vốc muối được ném vào để kết tinh cả một vùng ruộng muối. Muối khác! Cát khác!

Một già một trẻ cùng bật cười ha hả. Ông thầy già lại hỏi:

- Anh còn nhớ ngày anh biện minh xong luận án Tiến sĩ, một giáo sư đại diện cho Ban Giám khảo đã nói là kể từ sau giờ phút đó chúng ta là bạn đồng hành. Trên đây anh đã cho tôi biết ý kiến của anh về Việt Nam, ý kiến của một nhà sử học, dĩ nhiên, giờ đây, người bạn đồng hành trẻ tuổi của tôi, xin cho biết ý kiến của anh về nước Mỹ, về dây liên hệ của nước Mỹ với Việt Nam hay với thế giới nói chung. Không hiểu sao đêm nay, trong lúc tuyết rơi êm ả bên ngoài – (ông chỉ tay ra bên ngoài cửa kính chưa kéo màn, những ánh tuyết trắng ẩn hiện trong vùng điện sáng) – tôi có cảm tưởng như đây là giây phút sự thực dễ chói sáng.

Chương hơi nhú lông mày, lặng thinh giây lâu rồi đáp:

- Vàng thưa ông, ông đã hỏi ý kiến tôi như một nhà sử học, tôi cũng xin thực tình thưa lại với ông như thế này. Sử có chính sử, dã sử, có sử quan chép sử, nhưng cũng có dân chúng tự động thuật sử, vì vậy sự thực lịch sử như ánh sáng chẳng cái gì trời giữ nổi. Lịch sử Việt Nam ghi nhận vào năm 1942, cơ quan tình báo chiến lược OSS Mỹ ở Trung Hoa ép buộc Thống chế Tưởng Giới Thạch thả một người tù Việt Nam, ông Hồ Chí Minh, cán bộ Cộng sản Quốc tế, ra khỏi nhà tù Liễu Châu. Sau việc làm có liên quan tới Việt Nam đó, lầm lữ về phía các ông thật, nhưng chẳng đáng trách chút nào vì chẳng ai học được chữ ngờ. Tới việc lầm lữ thứ hai của chính sách Mỹ quả tình đáng thống trách, đó là suốt thời gian cuộc kháng chiến thần

thánh của dân tộc chúng tôi, chính sách Mỹ đã tiếp tay hẳn cho bên thực dân Pháp. Thực dân Pháp thất bại, chính sách Mỹ tính chuyện dùng Quốc tế Đen chống lại Quốc tế Đỏ. Thứ Quốc tế Đen lạc hậu thời ông Diệm đã bị ngọn lửa Quảng Đức làm tiêu điểm thu trọn sức nóng quốc gia Việt Nam thiêu rụi. Chính sách Mỹ bèn có ý định dùng Quốc tế Vàng chống lại Quốc tế Đỏ. Chết nổi đạo Phật vào đến Việt Nam đã được Việt hóa đến xương đến tủy rồi còn đâu. Thành thử dùng chất vàng chống lại chất đỏ là phải dùng chất vàng rỗng quốc gia Việt Nam, điều mà chính sách Mỹ cho đến nay vẫn lảng tránh khước từ. Quả thật dưới cái nhìn soi mói của một sử gia, những phần tử quốc gia Việt Nam chỉ có một lỗi duy nhất – một lỗi sinh tử - là họ không đủ mạnh như Do Thái, Tây Đức, Nhật Bản để ép buộc chính sách Mỹ phải theo chiều hướng dung hòa quyền lợi. Những lỗi đó thật ra lại bắt nguồn từ hoàn cảnh. Từ bao nhiêu năm nay rồi, những phần tử đó bị giày xéo, triệt hạ, tróc rễ, phạt ngọn, ngắt mầm bởi mọi lực lượng quốc tế “tự do” cũng như Cộng sản. Mọi sinh hoạt chính trị bây giờ tất yếu phải nằm trong cộng đồng quốc tế của phe bên này hay phe bên kia. Chính sách Mỹ đã phá những người quốc gia thuần thành thì những người thuần thành đó đành chuyển sang thế du kích là thế của kẻ yếu – còn bị bắt buộc ở thế yếu, thua ông. Tiền của Mỹ tràn ngập miền Nam nước Việt những ngày vừa qua, điều đó làm bước tiến của làn sóng đỏ đứng khựng lại, nhưng tiền bạc không đủ chút nào! Người dân Việt Nam cũng như người dân Mỹ còn thiết tha hơn nhiều với tự do, với nhân phẩm.

Chương lắc đầu, đôi mắt và vùng trán tràn ngập suy tư:

- Khoa học kỹ thuật bão hòa, thua ông! Tính từ manh nha thời Phục Hưng vào thế kỷ XV đến giờ, qua đi năm thế kỷ, Tây

phương đơn thương độc mã xây dựng nền văn minh khoa học kỹ thuật cực kỳ huy hoàng mà tuyệt đỉnh nơi hiện tại là phóng phi thuyền thám hiểm không gian, trong đó có việc hạ xuống nguyệt cầu, từ đó gửi hình ảnh mình về địa cầu, nói chuyện với người địa cầu. Làm sao chúng tôi không thán phục, không báí phục?! Khoa học kỹ thuật Tây phương do đó còn tiến nữa, chói lọi huy hoàng, nhưng không hiểu sao tôi vẫn thấp thò m e ngại đến kinh hoàng ánh sáng khoa học kỹ thuật đó lâm tình trạng bão hòa – ý tôi muốn nói một thứ ánh sáng mù lòa, không chiếu sáng được cái gì, thứ ánh sáng thiếu chất nhân bản kết tinh! Thưa ông, trong giảng khóa ba tháng vừa rồi tại trường cũ về “Lịch Sử Đê Kháng của Dân Tộc Việt Chống Ngoại Xâm”, tôi có nhắc nhở đến thông điệp ý thức nhân bản này của riêng tôi, nhân danh một nhà sử học Việt Nam. Thưa ông, khi tôi nhìn hệ thống xa lộ tuyệt kỹ nơi đây; khi tôi nhìn New York, Chicago, Los Angeles với những khối xi-măng cốt sắt chất ngất chế ngự thiên nhiên; khi tôi thưởng thức vẻ xinh xắn của thị trấn Reston (Virginia) như một điều hòa tuyệt hảo giữa nếp sống thị thành với tâm hồn thôn dã, tôi luôn luôn tự hỏi: Chúng ta đã đẽo gọt lại thiên nhiên mà không đẽo gọt được phần tương xứng nội tâm sao? Phi thuyền thẳng được sức hút của trái đất chỉ để đánh thức phi thuyền nội tâm thẳng được sức hút của lòng vị kỷ. Tôi đã lặn lội đi xem siêu tuyệt phẩm Cuốn Theo Chiều Gió (*Gone with the Wind*) đến lần thứ sáu, chỉ để nghĩ rằng nước Mỹ quả thực có đủ khả năng kỹ thuật và thẩm mỹ để thực hiện được thể tương xứng vừa nói trên – ít ra là cho phần nhân loại tự do này. Nếu không, chính nước Mỹ sẽ tự hủy diệt! Cuộc chiến dai dẳng ở Việt Nam há chẳng có thể là một trong những khúc dạo sắt lửa cho cuộc Thế Chiến Thứ

Ba rồi sao? Thưa ông, nếu tôi là Thượng Đế, tôi cũng sẽ như Thượng Đế lảng lạng bao la mà thôi, nước Mỹ hoàn toàn tự do quyết định lấy trách nhiệm và vận mệnh mình với khả năng đó nơi chính mình.

Chương bỗng thân mật nắm lấy hai cổ tay thầy cũ rồi mới tiếp:

- Dù sự quyết định ấy có thể nào, phóng cái nhìn cho đến vô cùng thì cũng chỉ là những *dấu-chân-cát-xóa* mà thôi!

Mái tóc bạc phơ như chột chói sáng, ông thầy gật đầu mấy cái liền:

- Tôi rất quý tư tưởng vừa rồi của anh. Tôi có dòng máu Đức trong huyết quản, tôi dễ thông cảm với một số tư tưởng Đông phương. Anh luôn luôn đặt mọi hành động trên cái nền rộng lớn của hư vô. Y hệt cách anh lý luận trong luận án Tiến sĩ xưa. Mà thật thế, người ta không nên chỉ vui hưởng ốc đảo mà không phóng tia nhìn ra cả vùng sa mạc bao quanh. Đặt mọi hành động vào bối cảnh hư vô – hay cái vô cùng vô tận cũng vậy – để mãi mãi giữ lấy những đức tính thành thực và khiêm nhường!

Lại một lần nữa Chương nắm lấy hai cổ tay ông thầy khả kính siết mạnh hơn:

- Cám ơn ông đã hiểu thâm ý đó của tôi. Cuộc thế chiến nguyên tử tất sẽ bùng nổ nếu người ta – đây là các siêu cường – không giao thiệp với nhau trên căn bản thành thực và khiêm nhường. Trách nhiệm đó người Mỹ có phần nặng phải mang, bởi như trên tôi đã nói, việc phóng phi thuyền thẳng được sức hút của trái đất chỉ để tiếp sức cho phi thuyền nội tâm thẳng được sức hút của lòng vị kỷ. Đó không phải là hai việc khác

n nhau mà chỉ là hai bề mặt của một thực tại, hai sườn núi của một trái núi. Nếu mất chiều tương xứng, mọi tiến bộ kỹ thuật vật chất sẽ tác động ngược chiều lại, hủy diệt chính mình, để mình trở về với... Thôi cứ tạm gọi là hư vô đi. Núi mà chỉ có một bề mặt, dĩ nhiên chỉ có thể là núi vẽ trên vải, trên giấy, cho dù có nguy nga đến mấy.

Ông thầy dẫn đo suy nghĩ một giây rồi hỏi:

- Tôi chưa tới Việt Nam lần nào, ở Việt Nam có nhiều người tin tưởng nhiệt thành như anh không?

Chương bật cười và chàng thấy hối hận ngay vì tiếng cười như có vẻ vô lễ. Chàng nói ngay:

- Người Việt chúng tôi đã lâu rồi không bày tỏ lòng nhiệt thành. Nhiệt thành, chúng tôi ủ kín bên trong như người tuyệt vọng ủ lấy niềm hi vọng. Đất nước tôi đã từ lâu là hỏa ngục, mà hỏa ngục thì thiêu rụi hết trừ cái lõi nhân bản. Một sự kiện sử học: "Người Việt nổi tiếng là đa nghi nhất thế giới!" Đúng vậy, chúng tôi bị lừa quá nhiều rồi! Tất cả những ai đương sống trên đất nước chúng tôi, hay sẽ đến với đất nước chúng tôi đều bị bóc trần bằng ngọn lửa thiêng – hay ma quái – đó, ngọn lửa tự vệ tiêu cực mà chúng tôi tự luyện lấy trong cuộc chiến dài đằng đẵng trên một phần tư thế kỷ. Ngọn lửa thiêu rụi hết, thừa ông, trừ cái lõi nhân bản.

Tới đây một già một trẻ cùng lặng thinh. Đồ đạc quanh phòng nhắc họ trở về dần với thực tại: Sớm mai Chương lên đường, sau đó gia đình ông thầy phân tán mỏng, thật mỏng, đúng như hình ảnh chiếc bè tự ý vỡ, mà chẳng bao giờ còn có thể kết hợp lại như xưa được nữa. Thật buồn! Như có cái gì bên ngoài mạnh hơn mình nhiều lắm. Thật buồn!

Thầy trò nhìn nhau trù mến và chịu đựng. Ông già nhìn đồng hồ rồi nói khẽ:

- Hơn ba giờ rồi anh ạ, chúng mình đi ngủ thôi!

CHƯƠNG BA
đất màu

1

Chia tay với gia đình sắp phân tán – sắp tan tác – của ông thầy khả kính, thật buồn! Chương phải xuống Springfield, thủ phủ Illinois, là phải. Chàng đâu có ngờ cuộc sắp xếp hành trình của mình ở đoạn đường này lại hợp lý đến thế! Buồn vui phải thay đổi như guồng nước chỗ đổ, chỗ đầy. Chương đến Springfield để trả một món nợ tình. Martha đợi gặp chàng vào cuối tuần này.

Martha! Martha!

Bên kia bờ sông có tiếng vang lại: “*Martha! Martha!*” Con sông tâm tưởng, – Chương lúc đó đang ngồi ngửa mặt, nhắm mắt lười lỉnh trên chuyến xe buýt liên tiểu bang – con sông xuân tràn đầy, chảy lênh láng, màu nước biêng biếc như màu tóc mềm (tóc Martha) gặp gió xòa trên bờ vai. Chương biến thành gió, luồn tay vào mớ tóc đó, bàn tay vô hình mơn man êm dịu. Màu mạ kiểu mạch xanh ngút ngàn. Bàn tay của con sông xuân không trực tiếp ôm lấy những bờ lúa, nhưng mạch nước con sông xuân đã ngấm thấm dưới lòng đất dâng màu lên nuôi thân mạ, như chàng trai lén quỳ dưới chân giường, khẽ đặt môi hôn lên bàn chân người yêu, nhưng nhiệt tình ẩn chứa bùng nổ nào khác gì màu xanh ngút ngàn của cánh đồng kiểu mạch mùa xuân.

Vào thuở hai năm cuối học trình Ph.D của Chương, Martha sắp hoàn tất cái B.S. của nàng. Trong học trình Ph.D. Chương phải có một số tín chỉ về Thống kê học, mà căn bản Toán của chàng thì quá đơn sơ, chàng phải đi lại những bước đầu từ trình độ B.S. Chương gặp Martha ở đó.

Khuôn mặt gọn ghẽ xinh, thân hình chắc lẳn, nụ cười thật cởi mở, Martha một lần nói với Chương: “Số phone của tôi là . . . Anh có thể gọi tôi bất kỳ lúc nào anh thấy tôi có thể giúp anh được việc gì.”

Đó là cách mở ngõ cửa hẹn hò cuối tuần, Chương biết, nhưng Chương đã trót hẹn hò với đám khác, đành phụ Martha. Hai tháng sau khi Chương được tự do thì Martha lại mắc bận. Tuy nhiên tình bạn cùng lớp thì bao giờ cũng nồng thắm. Hết khóa hè ngắn ngủi đó, Martha xong B.S. nàng đi tập sự dạy Toán tại một trường trung học nào đó. Khi Chương thành tài về nước, Martha mới thành giáo sư thực sự tại một trường trung học của Springfield. Thư từ đôi bạn trao đổi chỉ vào đúng dịp lễ Giáng Sinh, nhưng bao giờ cũng vui dí dỏm, đậm đà và tràn đầy hứa hẹn, như con sông tuy đã nhũn nhặn lẫn dưới thiên nhiên nhưng tràn ngấm các mạch nước. Martha vẫn chưa lấy chồng như ruộng màu đợi gieo mầm kiều mạch vào mùa xuân! Tới lúc đó Chương mới chợt thấy cái tên Springfield – Cảnh Đông Mùa Xuân – thủ phủ Illinois thật hữu tình và có tính cách tiền định. Đến Springfield để trả món nợ tình, Chương biết vậy, mà thực ra chàng cũng chưa biết đôi bên sẽ tháo khoán cho nhau trả nợ ra sao.

Martha lái xe tới đón Chương tại ga xe buýt cùng một cô bạn Nhật. Hòa ngay vào câu chuyện hàn huyên của Chương và

Martha, cô bạn Nhật xem ra còn tân tiến hơn cả Mỹ nữa. Trên đường về nhà, một lần Chương ca tụng nước Nhật của Hokusai và Kawabata, cô ta làm Chương có cảm tưởng như chàng là Trang Tử vừa nửa mơ nửa tỉnh lạc đường xuống đây. Chính cô hôn lên miệng Chương làm cách giữ không cho Chương nói thêm về những “cổ kính lạc hậu” đó.

Tự nhiên, không hiểu sao, Martha nhắc đến mùa xuân năm qua:

- Chương ạ, năm rồi mùa xuân về quá chậm.

- Sao vậy, Martha? – Chương hỏi lại.

- Anh biết không, cuối tháng Tư mới thấy hơi ấm áp, hoa *forsythia* vàng vẫn chưa nở, *lilac* cũng vậy.

- Ô!

Là Chương làm bộ ngạc nhiên điểm xuyết thế, chứ nào chàng có sành về các mùa hoa. Tuy nhiên âm thanh hai loại hoa xuân *forsythia* và *lilac* bỗng như được chiếu sáng để trở thành vịnh cứu trong câu chuyện. Cũng như ngoại vật nhiều khi thốt nhiên hiện ra với một dung nhan lạ thường, khiến mình muốn ứa nước mắt, chỉ trong khoảnh khắc thôi, rồi biến đi mất, nghĩa là trở lại tầm thường. Martha lái xe vào một con đường tắt xuyên rừng, qua một dòng suối nhỏ nước nông. Tuy nhiên khi qua suối xong, Martha vẫn phải đạp thắng mấy lần để rử hết nước không cho thấm vào làm trơn tuột bộ thắng. Chương thoáng nhận ra bên lề rừng có một cây táo dại thấp, gai dài và nhọn, vội bảo Martha hãy tạm dừng xe. Chàng mở cửa, đi vào cái lạnh ghê gớm, bẻ vội được một cành nhiều gai nhất nhưng cũng nhiều nụ cứng và chắc như cườm.

Trong căn nhà ấm, ven thung lũng ngoại vi Springfield, ba người bạn một trai hai gái làm bếp ồn ào, ăn uống ồn ào. Cành táo dại – *quince* – được cắm vào một bình đặt gần lò sưởi ấm.

Ăn xong, bên ngoài đã lên đèn, cô bạn Nhật ngó ý từ biệt. Martha lái xe cùng Chương đưa nàng về một vùng ngoại vi châu thành đối diện.

Vắng đi cô bạn Nhật, đôi bạn cũ chọt gỡ ngang hăn trong một thế quân binh mới chưa quen. Thời gian, không gian giờ đây là của hai người. Mười giờ ngày mai Chương đã lên phi cơ xuôi về miền cửa sông Mississippi, New Orleans. Vẫn giữ nguyên hơi ấm của câu chuyện vui vừa qua, trong khi Martha chưa cho xe chạy, Chương ưu ái vuốt mái tóc vàng óng của nàng:

- Martha để tóc dài thế này đẹp hơn kiểu uốn tóc ngắn ngày xưa nhiều lắm.

Chương nghiêng đầu sát tới nói thầm bên tai Martha:

- *The closer I get, the better you look!*

Chàng muốn hôn lên miệng Martha . . .

- A. A. A!

Martha đã cho xe chạy ngay.

Những âm thanh đơn giản đó là dấu hiệu rất Mỹ của bất kỳ cô gái Mỹ nào muốn nói, “Ấy chớ. Đừng. Chưa được đâu!” Ánh mắt, nụ cười của Martha cũng như của Chương được vẻ tếu đặc biệt, rất thông cảm, y như những dòng chữ hai người vẫn thân thiết trao đổi nhau vào dịp lễ Giáng Sinh. Sau mấy năm cách gỡ, đường eo Martha đầy hơn xưa nhưng khuôn mặt vẫn xinh đặc biệt, nụ cười má lúm đồng tiền với hàm răng trắng bóng, tràn trề sinh lực.

Chỉ vào căn nhà kiến trúc thanh lịch phía trước với dòng chữ nê-ông xanh biếc, Chương nói:

- Hãy vào uống cà-phê đã, Martha!

Dòng chữ xanh biếc: Inspired Italian Cuisine-Stella Hotel.
Martha cười má lúm đồng tiền:

- Đúng lắm, Chương!

2

Chương và Martha vừa mở cửa bước vào cùng với mùi cà-phê sục nức, ấm cúng, quyến rũ, thì một tiếng reo vui làm Chương giật mình:

- A ha! Tha hương ngộ cố tri!

Chương nhận ngay ra Đạm anh bạn họa sĩ. Ở xứ Hoa Kỳ rộng lớn không hẹn mà gặp như thế này có thể nói là “thiên tài nhất thì”!

Đạm nói lớn, giọng Đạm luôn luôn sang sảng như chuông vàng làm rung động hàng râu mép rậm tốt như râu Bismarck:

- Ngồi đây với tôi cả đi, tôi vừa mới tới mà, rồi tôi cũng lại đi ngay mà!

Chương giới thiệu Đạm với Martha. Cả hai vui vẻ cùng ngồi. Đạm hỏi:

- Ba cà-phê hay ice-cream?

- *I'm coffee drinker* – Martha cười mỉm, má lúm đồng tiền.

Chương nói với nữ chiêu đãi viên vừa tới:

- Tất cả chúng tôi đều là dân nghiện cà-phê!

- OK. – Cô chiêu đãi viên cười, má cô cũng hơi lúm đồng tiền.

- Năm năm trước đây – Chương nói thêm với Martha – nghĩa là thuở chúng mình còn theo học ở trường, vào một dịp hè, tôi tới dự phòng triển lãm của Đạm ở đường Madison, New York, Đạm còn đồng thời làm cho hãng Cosmotech ngành dịch thuật bằng máy điện tử những sách khoa học từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Năm nào, ít ra cũng một lần Đạm về nước liên lạc với Bộ Giáo dục. Đã hai lần chúng tôi gặp nhau ở Sài Gòn. À anh Đạm, vì sao lại có mặt tại Springfield?

- Tôi tới để triển lãm một số mộc bản mới toanh ngay trong khuôn viên Đại Học Bradley ở Peoria gần đây. Nhưng không phải chỉ có mộc bản mà thôi.

- Còn gì nữa? – Chương hỏi.

- Kỳ này đặc biệt là một *retrospective show* – những tác phẩm chọn lọc đã được triển lãm từ mười năm qua.

Martha nói:

- Anh vừa làm cho Cosmotech lại vừa vẽ được, giỏi thật đấy!

Đạm trợn mắt, hàm râu mép rậm của anh rung lên:

- Tôi nhìn vấn đề khác hẳn, Martha! Việc kiếm sống lãng nhăng bên ngoài không thể cắt đứt sợi dây liên lạc giữa tôi và nghệ thuật. Mà được vậy, chỉ vì tôi không quan trọng hóa cực độ vấn đề. Sáng tác, tranh đấu hay không thì vẫn vật đổi sao

đời! Tôi hay chúng ta, phải sáng tác và tranh đấu, không phải vì hai cái này quan trọng, mà chính vì chúng chẳng quan trọng quá lắm như mọi người tưởng. Martha à, hứng lên, tôi cầm bút vẽ, vẽ như ăn uống, như bài tiết, như làm tình . . .

Martha ngửa cổ cười thật tình, neho mắt nhìn Chương, ánh mắt tự nhiên dâm đãng lạ lùng, khoảng lúm đồng tiền trên má nàng như sâu xuống chói với. Tưởng như hai người có thể đồng tình đứng dậy ngay ra về không cần thưởng thức cà-phê nữa. Nhưng Đạm đã tiếp tục câu chuyện:

- Thật vậy, khi mình đã vẽ với tinh thần phóng khoáng hình hài như vậy, mình sẽ thoát được những mấu, những móc mà bao nhiêu năm lẩn lộn, vất vả, đau khổ đã tạo nên những ảo ảnh ma quái. Cho dù cuộc đời có phi lý đến mấy đi nữa – như gần đây người ta vẫn kêu toáng lên – chỉ lòng thương yêu và tin cậy của một người cũng đủ hóa giải tất cả! Ha ha, có đúng vậy không?

Martha hỏi:

- Anh lạc quan đáng quý! Anh ưa vẽ gì, anh họa sĩ?

Đạm nhắm mắt lại, ngửa cổ lên, trong khi một cô chiêu đãi viên đã mang cà-phê lại đặt từng tách trước mặt từng người, tiếng lách cách nghe vui tai lạ.

- Tôi sẽ trả lời hơi dài dòng. – Đạm trả lời Martha vài giây suy nghĩ, mùi cà-phê bốc lên thơm lùng phủ ấm cả ba người . . . Nhưng hãy uống cà-phê đã chứ!

Cả ba vui vẻ lấy đường, quậy đường, rồi cùng nâng tách.

- Nơi tôi ở - Đạm tiếp tục trả lời Martha – là một xóm làng quê nhỏ bé tại New Jersey, mỗi khi tôi rời làng đi New York, y như rời chốn thần tiên êm ả tới chốn trần tục hôi hám.

Đạm dừng lại làm điều mời mọi người cùng uống, sau đó hỏi suy nghĩ một chút, ôn lại một điều gì rồi mới tiếp:

- Đặc biệt bao giờ tôi cũng rời New York trở về nhà vào ban đêm. Một lần cùng vào một đêm trăng tròn như đêm nay – Đạm chỉ bóng trăng bên ngoài cửa kính – xe buýt đã ra khỏi New York nửa giờ, không khí bắt đầu thanh thoát hẳn, trăng trên trời cũng đã tuột khỏi vùng bủa vây của lũ nhà chọc trời thành phố. Trăng và tôi như đôi bạn tù cùng vượt ngục, nhìn nhau thông cảm. Xe cứ việc vun vút trong đêm lạnh, hai bên đồi núi nhìn toàn khối như đen ngòm, nhìn kỹ là màu bạc sậm. Trăng cứ thế theo tôi trên đường về, soi sáng những cánh đồng cỏ bao la, những đỉnh đồi lớp lớp. Tôi vẫn ưa vẽ trăng, Martha. Những người bạn Âu Mỹ và cả nhiều người Á Đông khi xem tranh tưởng rằng tôi muốn biểu lộ tình cảm thơ mộng, lãng mạn. Đâu có vậy! Tôi vẽ lòng khao khát vượt ngục của tôi! Bất kỳ cái gì mình bám vào cũng thành ngục tù giam hãm mình ngay, ha ha! Mà tôi thì ít khi chịu đấn đo cân nhắc gì cho lắm! Đôi khi có chọn lựa, sự chọn lựa đó là của linh tính – lý trí chỉ đóng vai phụ, rất phụ! Các bạn có thấy tuyết bên ngoài đã rơi nhiều? Tôi khoái đi ngoài trời vào lúc tuyết rơi đều đều như trận mưa cánh hoa mai vào lúc kẻ tu hành... đốn ngộ, ha ha.

Đạm đứng dậy, “xin phép” trả tiền cà-phê ở quầy, rồi về trước, sửa soạn hành lý chút xíu, sớm mai chàng lên xe buýt đi Peoria, chuẩn bị cho phòng triển lãm.

Chương nói đùa thay lời từ biệt:

- Tôi khoái bộ ria của anh.

Đạm bắt giác đưa tay lên vuốt đám râu mép rập đó, giọng càng sáng khoái:

- Ấy bao giờ vào mùa đông nó cũng hung hăng sống động như thể nó là lộc là chổi gì đó, mọc mạnh và rậm, ha ha!

Rồi chia tay. Đạm cũng chẳng hề hỏi Chương mới sang Mỹ từ bao giờ và bao giờ về. Chắc Đạm nghĩ rằng nếu Chương còn ở đây, tất nhiên Chương sẽ mò tới phòng triển lãm tại Đại học đường Bradley, và hai người còn được dịp gặp nhau.

Chương theo dõi bóng Đạm gần ra khuất cửa, Đạm bỗng vùng quay lại như bỏ quên cái gì quan trọng lắm. Nhưng không, Đạm hỏi hai người:

- Martha và Chương có định đi Chicago không?

Chương và Martha nhìn nhau cùng rướn lông mày rồi nhìn Đạm, Chương đáp thay cho cả hai:

- Cũng có thể!

- Cũng có thể là thế nào, một khi đã vào Illinois là phải tới Chicago! Tới Chicago là phải vào Viện Nghệ thuật của Chicago để xem toàn bộ tranh của trường phái Ấn tượng Pháp. Thuở đó, cuối thế kỷ XIX, Pháp chê đám nghệ sĩ ấn tượng. Hai chị em bà già Mỹ không chống, tới Paris mua hết tranh ấn tượng mang về Mỹ. Ha ha, bây giờ đã mấy lần Pháp đề nghị cứ một đổi một: Mỹ có quyền lấy một tranh của Viện Bảo tàng Le Louvre để Pháp được mang về một tranh ấn tượng. Mỹ không chịu. Thế giới muốn xem tranh của Monet, Picasso, Renoir, và đặc biệt của Degas, phải đến Chicago, ha ha!

Thấy tách cà-phê để lại của mình còn kha khá, Đạm nâng lên uống nốt, đặt tách xuống, lau râu bằng ngón trỏ, tiếp:

- Mới tuần trước tôi bay ngang qua Arizona, bay ngay trên Grand Canyon. Tôi vẫn khoái cái đại vực dài 217 dặm, rộng 18

dặm, sâu trên 1 dặm này từ lâu, lâu lắm, nhưng đặc biệt lần này vào mùa đông tuyết phủ, tôi mới được chứng kiến một hiện tượng lạ lùng. Từ phi cơ nhìn xuống, trên nền đá xám là những kẽ nứt tuyết đọng trắng xóa, những nét tuyết phóng khoáng ngang dọc tung hoành y hệt nét bút trừu tượng của tranh Jackson Pollock, đường nét tỏa ra, mắt hút vào không gian vô cùng.

Đạm vung tay làm điệu vẽ theo kiểu Pollock và nói với Martha:

- *This way of Pollock, with surfaces extending laterally into infinite space, ha ha!*

Lần này Đạm ra vẻ thật! Hai cánh cửa đã tự động khép lại phía sau Đạm. Trong vài giây, Chương quên hẳn sự hiện diện của Martha, lòng chàng bỗng dãn trải như kẻ nằm phương Nam mà tìm những chòm sao phương Bắc. Giây phút đó bỗng như ngưng đọng để trở thành vĩnh cửu.

Giọng Martha đánh thức chàng:

- Chương về chăng?

- Về chứ. - Đôi mắt Chương bừng tỉnh, gặp ngay tia nhìn của Martha.

Phải về ngay chứ, - chàng nghĩ thầm – chúng ta đồng tình như thế mà!

3

Sự gặp gỡ bất ngờ với Đạm, câu chuyện tựa như đầu Ngô mình Sở với Đạm, nhưng mỗi điểm đầu Ngô mình Sở đó đều chiếu sáng một nét điển hình của cả cuộc đời, đốt nóng tình cảm của cả hai, đặc biệt của Martha. Mười giờ mai Chương đã lên phi cơ bay tít về cuối trời Nam, New Orleans, miền cửa con sông dài Mississippi.

Chương đã đứng dậy đi trước mấy bước mở cửa cho Martha. Trời bên ngoài thật lạnh, cái lạnh khô sắc, nhưng trăng tròn – trăng rằm hay mười sáu thì phải – vằng vặc trên trời chiếu xuống cả một vùng tuyết trắng. Cả hai bước vội ra xe, gót giày va vào những vật tuyết trên thềm nghe xào xạo như đá vụn. Vừa vào trong xe chưa kịp ngồi gọn, cả hai đã tự thấy ôm ghì lấy nhau từ lúc nào, tựa hồ như hôn họ đã vào xe trước, ôm nhau trước, hai cái xác nặng nề ịch rượt theo vừa kịp nhập vào để tự soi sáng cảm giác. Chương thì môi mạnh hơn trên điểm lúm đồng tiền của Martha, nói khẽ:

- Đạm bảo bất kỳ cái gì mình bám vào cũng thành ngục tù giam hãm mình ngay! Tôi hoàn toàn bị giam hãm trong khoảng má lúm đồng tiền này. Ôi, cô bạn tuyệt vời của tôi!

Chương tìm lại hương vị thơm đắng mùi cà-phê trên môi Martha, một bàn tay Chương xoa lên khoảng vai rồi cả khoảng ngực tròn trịa của nàng.

- Về nhà đã, Chương! – Martha van ví.

Chương lắc đầu giữ chặt lấy nàng, không đáp. Martha cảm

thấy những vùng sao lóe sáng rụng lá tả... rụng lá tả trên khắp vùng da thịt.

Nhưng rồi Martha cũng cố gạt được Chương và cho nổ máy. Xe vun vút dưới trăng. Lúc qua cầu vào thành phố, Chương nhận thấy ánh điện sáng quắc, dòng sông bên dưới trắng xóa, hơi nước đá bốc lên nghi ngút phủ sương mờ vào vùng sáng ảm. Về tới nhà, bật đèn lên, họ đâu có để ý đến cảnh táo dại không còn khảng khiu trơ trụi, mà đã bình tĩnh với những nụ hoa chúm chím kỳ diệu. Cả hai không thể chú ý vào bất kỳ cái gì – dù kỳ diệu đến mấy! Tình yêu hút lấy họ vào lòng vĩnh cửu của hạnh phúc. Chương mãi miết tìm lại trên môi Martha hương vị thơm đắng của cà-phê. Nhưng không còn, hương vị đó cũng đã nhạt nhòa và tan biến vào lòng vĩnh cửu. Những vùng sao lóe sáng không còn rụng lá tả xuống da thịt Martha nữa, mà chính da thịt Martha bốc ngược chiều của ánh sáng, hào quang tỏa ra mênh mông bất tận.

Cơn rạo rục của Chương được thỏa mãn rồi dịu đi rất chóng và không hiểu sao chàng nhớ lại câu chuyện tâm tình đêm trước, cũng khoảng giờ đó, với thầy học cũ. Cũng chính cái bình tĩnh của Chương gặp cái rục rờ bốc cháy của Martha làm cho cuộc tình gặp gỡ phù du của đôi bạn cũ tránh được thứ lửa tình chóng bốc chóng tàn, mà trái lại như được chuyển hóa thành thứ tình của thâm sâu của trường cửu suốt phần đêm còn lại... Cả hai cùng lập lờ chìm trong trạng thái nửa thức nửa ngủ với những cử động phản xạ - những vuốt ve, những nụ hôn, những áp đầu, dụi mũi.

4

Có lẽ Chương là người đã mở mắt trước để nhìn thấy cảnh táo dại đã nở hoa. Lúc đó chỉ khoảng tám giờ sáng. Cảnh táo dại kia – chàng nghĩ trong miên man – nếu không được bẻ mang vào nhà thì dưới ánh trăng khuya, rồi dưới ánh bình minh trắng đục, giờ đây nó vẫn chỉ là cành cây khẳng khiu trong cái lạnh kinh khủng của thiên nhiên bao trùm. Phải, nó vẫn chỉ là cành cây khô gầy thấp, gai dài và nhọn, không nụ, không hoa – những nhú tròn thô lậu, cứng và chắc như cườm đá, chưa thể gọi là nụ được! Vậy mà qua đêm, gặp sức ấm trong nhà, cành hoa đã nở bung, dáng dấp giống hoa mai, nhưng không vàng không trắng, mà lại hồng màu rượu Pink Champagne. Chương mỉm cười tự nghĩ trong băng khuâng, giá như mình có tài của Vương Duy, Lý Bạch, với cảnh hoa, trăng, tuyết đêm qua mà làm được một bài tứ tuyệt giản dị, lỏng lẻo thì hay biết mấy. Nhưng nếu như hình ảnh đó quá đẹp mà trở thành ước lệ thông thường, nói ra không gây cảm xúc thì dù sao đi nữa từ đêm qua cho tới sớm nay, tại miền Trung Đông Bắc Hiệp Chúng Quốc mệnh mông này, ai là người thứ hai đã chứng kiến hình ảnh hoa, trăng và nghe tiếng khóc của tuyết hóa thạch?

- Sức sống của thiên nhiên thật là kỳ diệu! – Lời Martha, nàng vừa tựa mình, cả bầu ngực tròn mịn áp lên lưng Chương.

A, thì ra còn người thứ hai nữa, Martha. Chương quên mất. Martha tiếp:

- Qua một đêm bên lò sưởi điện, hoa nở như thế kia!

Chương hỏi:

- Martha còn nhớ năm nào bão tuyết tập trung từ vùng núi Cleveland thổi về Ohio tàn phá bao nhiêu là cây cối trong khuôn viên đại học mình?

- Nhớ lắm, Chương! Tinh sương hôm sau sinh viên chúng ta đã từ những khu nội trú ùa ra dọn dẹp những cành cây gãy ngổn ngang. Cả một vùng trắng xóa, vắng lặng, nửa thanh bình nửa rờn rợn.

- Martha, bão tuyết thì tàn phá, bão tình thì làm nở hoa. Không phải chỉ có hơi ấm của lò sưởi điện làm nở hoa, Martha, mà còn hơi ấm của ba thứ tình nơi chúng ta: tình bạn đồng học, tình trai gái và... và... thôi cứ gọi chung là tình người đi!

Chương xoay mình quay lại đồng thời với hai cánh tay Martha vừa mở ra, họ ôm ghì nhau lần cuối. Với Chương, một nỗi buồn không phải là buồn, một tê tái gần như thảo nhiên. Càng vào những lúc cố giữ tâm thần an lạc nhất, chàng càng cảm thấy bênh bồng tê tái. Chương nghĩ đến những pho tượng Phật thật đẹp ở nước nhà, ở Thái Lan, ở Miến Điện, ở Mã Lai Á, ở Tích Lan, những nơi chàng đã đặt chân qua, đều có nụ cười trăm mặt mênh mông nửa vui nửa buồn như vậy.

Hãy tận hưởng hạnh phúc nơi đây, cũng như khi đã trở về lòng quê hương sẽ tận hưởng niềm đau nơi đó! – Chương nghĩ thầm như vậy và ghì Martha mạnh hơn như muốn làm nghẹt thở. Nhưng chính đó lại là điều Martha thầm ao ước!

5

Chiếc kính chiếu hậu hếch ngược một chút lên trời phản chiếu những cành cây gầy guộc trụi lá, thoạt trông tưởng như là những vết rạn nứt của chiếc gương. Martha lái xe đưa Chương ra phi trường. Bên ngoài tuyết đã hết rơi, nhưng gió càng thổi mạnh. Hàn thử biểu trụt xuống 7 độ Fahrenheit. Tuyết cứng, nặng và khô, giã lên như giã phải đồng đường trắng mà ai vừa đánh đổ.

Martha nói khi xe qua cầu:

- Chương nhìn xem kia, lạnh đột ngột quá nên mặt sông phẳng lì trắng phau.

Chương đặt bàn tay lên khoảng gáy Martha, vuốt ve mớ tóc mềm của nàng. Thật là kỳ lạ, mãi tới lúc đó Chương mới ý thức được ở Martha cái gì hầu như cũng nửa vời một cách quyến rũ. Nàng nửa như là đàn bà nửa như là con gái, nàng không gầy, không béo, da thịt chỉ vừa đến độ này nọ. Nàng đúng là đất màu kiểu mạch: lòng đất dâng màu lên và cánh đồng kiểu mạch ngút ngàn xanh.

Martha mỉm cười, má hơi lúm đồng tiền và đưa mắt nhìn Chương một chút để đáp lại cử chỉ vuốt ve của chàng. Cũng vào lúc đó Chương mới sực nhớ rằng Martha đã có công xua tan được áng mây buồn bàng bạc phủ trong hồn chàng khi chứng kiến giây phút phân tán cuối cùng của gia đình thầy học cũ. Bão tình làm nở cành mai trong vùng băng giá – nghe như lời nói bông lơn, tuy không thực mà thực đó chứ! Tới phi

trường, chàng và Martha còn thì giờ vào cafeteria gọi hai tách cà-phê. Rồi tiếng nói trong hộp phóng thanh mời hành khách đi New Orleans tới xuất trình vé. Hình như hai người chia tay cúi chào nhau theo lễ độ Nhật Bản một cách tếu như những dòng chữ tếu thân mật và thặng dư trên những tấm “các” của họ vào mỗi dịp Giáng Sinh.

Chương theo hàng người nổi đuôi ra phi cơ, lòng bỗng bênh, nửa như trống rỗng nửa như say sồng. Chàng hơi ngửa nhìn mặt trời, nhìn vào khoảng xanh thăm thẳm. Lạnh ngọt! Chàng đã leo tới bậc thang cuối cùng. Trước khi vào hẳn phi cơ, chàng quay lại vẫy chào từ biệt Martha một lần nữa. Martha ở dưới xa, sau bờ tường trắng. Ô, tấm áo choàng bằng nỉ màu boóc-đô của nàng! Hình như mãi tới lúc đó Chương mới để ý đến màu đỏ của tấm áo choàng đó và thương thức nét đẹp xa vời của nó.

CHƯƠNG BỐN
nhân loại tuyệt diệt

1

Chia tay với Martha, Chương bay xuống New Orleans miền Nam. Mùa đông nơi đây khí hậu dịu ngọt, hơi ấm của gió biển đã sớm thổi bùng mấy nhành redbud đỏ. Hy vọng xuân tình lấp ló đâu đây.

Hai cụ thân sinh người bạn Chương ngụ tại một vùng ngoại vi khá xa châu thành New Orleans. Nhận được tin trước, hai cụ lái xe tới phi trường New Orleans đón Chương. Lần đầu gặp hai cụ (cụ ông là họa sĩ) ăn mặc hao hao như đạo sĩ. Rồi sống với hai cụ một ngày, Chương được chứng kiến thêm vài hình thái phản đối khác về nếp sống máy móc ở Mỹ, những hình thái phản đối trầm mặc của người già chứ không bốc đồng, râu ria hay lỏa thể như giới hippy trẻ. Thì ra bà cụ cố thân sinh ra cụ ông xưa, chính là người đã sáng tạo một lối vũ mới, cách mạng hóa hoàn toàn quan niệm ballet cổ điển vào thời ngành nghệ thuật này thịnh hành nhất ở Pháp (1910-1920). Cụ ông theo ngành hội họa. Đã từ lâu vợ chồng cụ bỏ lối ăn mặc Tây phương, tự dệt lấy vải thô, may áo như lối Hy Lạp cổ điển. Vì vậy mà khi gặp hai cụ ở phi trường lần đầu Chương ngỡ là hai cụ mặc áo đạo sĩ. Nhà cụ ở tít xa vùng ngoại ô New Orleans là cả một học viện nghệ thuật để văn nghệ sĩ có nơi gặp gỡ, trình diễn. Vì cũng giỏi về mộc bản, cụ khắc lấy chữ gỗ phát minh ra

một cách in để in thơ, kịch và các thứ lật vật như bích chương, thiệp mời cụ in quả thực đơm thi vị riêng của chúng. Căn trại xinh cụ ở có giếng nước cụ đào lấy. Và vì nơi đây miền Nam khí hậu ấm áp nên cụ trồng rau, nước giếng đó tưới rau đủ ăn quanh năm. Đài phát thanh New Orleans cho nghe một bài hát rất thịnh hành và cũng hợp với tâm thức Chương lúc đó, bài “Both Sides Now”:

*Hãy nhìn cuộc đời cả hai mặt của nó! Mây đem giông bão,
sấm sét lại, nhưng mây cũng đem mưa tới tưới mát hoa mầu. . .*

Nhìn nếp sống của cụ già nghệ sĩ, nghe “Both Sides Now”, lòng Chương thấy dịu đi nhiều, nhiều lắm.

2

Rời New Orleans bằng xe buýt để sẽ qua Thung Lũng Tử Thần như đã dự định, đặc biệt khi xe vào Nevada, Chương dừng lại cả một buổi chiều tại Las Vegas, đi nghênh ngang như con nai vàng giữa rừng người, rừng xe cộ, rừng màu sắc của những biển ánh sáng mang những tên Overland Hotel, Fremont Hotel, Golden Gate Hotel. . . Chương dừng lại trước một sòng bạc lớn có một đoàn vũ nữ đương biểu diễn quảng cáo theo kiểu Folie Bergère của Pháp.

“Tại sao ta không thử thời vận một phen nhỉ?” – Chương tự nghĩ vậy. Rồi quả nhiên mười phút sau chàng đã ở trong sòng bạc lớn Bingo, đứng trước một bàn roulette, tay cầm *token coin*.

“Coi như ta sẽ cúng không cho Nevada một trăm đô-la là cùng chứ gì!” – Chương lại tự nghĩ và bắt đầu đánh bạc theo phép tính xác suất của chàng, tự cho mình có quyền thua ba lần liền theo ba lần đặt: mười đô-la, ba mươi đô-la, sáu mươi đô-la.

Roulette đổ vào đỏ, Chương bèn đặt *token coin* trị giá mười đô-la vào đỏ cho kỳ quay tiếp. Đợi! Rouletter đổ vào đen! Chàng đặt ba mươi đô-la vào đen. Roulette đổ vào đen. Thế là tiếng bạc thứ hai đó thu về cho chàng hai mươi đô-la tiền được.

Chàng lại khởi hành mười đô-la vào đen. Roulette đổ đỏ. Chàng đặt theo ba mươi đô-la vào đỏ, roulette đổ đen. Chương mỉm cười bình tĩnh tự an ủi: “Kẻ nào qua Las Vegas mà không “nộp thuế” nếu không là nộp mạng, vậy ta cho phép người thua liền một lần thứ ba nữa rồi ra bến xe buýt đi là vừa. Tối giờ lên đường rồi đó!” Và chàng đặt *token coin* trị giá sáu mươi đô-la vào đen. Máy quay chạy êm ru, hòn đạn tròn nhảy tung tăng như chú lùn vô tư, không biết rằng chú đã lạc vào vùng tử địa của một con yêu uống máu người không tanh. Ha ha, nhưng con yêu này còn hiền lành lắm, hòn đạn tròn còn rùng mình nhưng đã lảng lơ nằm gọn trong khoảng đen huyền lấp lánh. Như vậy là đánh năm tiếng bạc, Chương đã thu về thắng lợi tương trưng năm chục đô-la.

“Đùa với Las Vegas chút xíu thôi mà, thua được là chuyện bên lề” – Chương nghĩ vậy và đi tới chỗ đổi jeton lấy tiền.

Ra bến xe buýt, Chương còn kịp vào cafeteria ăn chiều để đợi giờ xe lên đường.

Khi xe buýt đã chuyển bánh, Chương suy nghĩ trang nghiêm hơn: Cuộc thắng của chàng ở Las Vegas là một cuộc

thắng nhỏ, tượng trưng và... lỏa lổ. Theo đúng truyền thống, lẽ ra người Việt luôn luôn thắng dưới hình thức thua! Có lẽ định mệnh muốn như vậy để người Việt luôn luôn giữ được tính khiêm nhường, luôn luôn giữ men nồng của tình người trải qua nhiều bất hạnh! Người Việt thắng Tàu suốt một ngàn năm lịch sử, nhưng vẫn chịu tiến cống sau mỗi chiến thắng. Người Việt thắng Pháp “Đệ Nhất Danh sĩ Lục quân” Tây Âu dưới hình thức đất nước bị chia cắt. Khối băng sơn văn hóa kinh tế khoa học kỹ thuật xã hội chủ nghĩa với người anh sinh đôi là khối băng sơn văn hóa kinh tế kỹ thuật tư bản chủ nghĩa, cùng một lúc ùa vào khoảng trống Việt Nam bốn bề bờ ngõ. Và Việt Nam chịu đựng tiết ra sức nóng đối kháng dị kỳ và dai dẳng, ma quái và thiên thần, kỳ cho đến khi cả hai nền văn hóa Tây phương đã phát triển đến cùng đường đó phải biến tính đi. Nhưng chẳng biết rồi đây Việt Nam còn phải ngụy trang cuộc chiến thắng gai góc đó dưới một hình thức thất bại nào đây để không làm sượng mặt các siêu cường!

3

Đó là cái nhìn xa tổng hợp cho thấy trăng tròn, còn cái nhìn gần để thấy chi tiết thì lại khô hài đến chảy nước mắt.

Trong khi quân đội cả hai miền – vũ khí do hai khối cấp cho! – đều thiên chiến đến thần sầu quỷ khốc, thì chính đồng bào họ trên đất Miền bị quân lực Miền – còn mới toanh, nên

yếu vào bậc nhất hoàn cầu – tận tình “cấp duồn” vĩ đại, có nơi cả làng Việt kiều bị lính Miên dẫn đi xử bắn tập thể rồi thả xuôi theo dòng con sông dài Cửu Long. Hàng dãy dài xác người Việt xấu số trôi dạt vào một bãi cát mênh mông, tay xâu tay nối kết thành bè, được chụp hình màu cầu khách, trưng trên những trang báo quốc tế. . . Đó, định mệnh người Việt Nam khi hoàn thành cuộc chiến làm nát nhiều khối băng sơn Cộng sản cho cả thế giới an vui, buôn bán phát đạt, nhậu nhẹt bù khú và làm tình thác loạn! Như vậy thì những định mệnh trở trêu nhất, chua chát nhất trong thần thoại Hy Lạp dễ dàng tìm thấy ngay bạn đồng hành trong định mệnh Việt Nam. Thần Zeus, chúa tể chư thần, đã lang chạ với nhiều nữ thần trên thiên đình và nhiều mỹ nhân dưới trần thế, duy có nữ thần đẹp nhất, tình tứ nhất trên thiên đình – Vệ Nữ Thần – thì Zeus lại bị từ chối. Để trả giá đó, vị nữ thần đẹp nhất, tình tứ nhất thiên đình đã phải lấy thần Lò Rèn què quặt, xấu xí nhất thiên đình làm chồng. Chú nhỏ Eros với mũi tên tình yêu có thể đùa dai với khắp hàng quỷ thần, nhưng “sinh ư nghệ, tử ư nghệ”, chú đã là nạn nhân chính mũi tên của chú khi chú tìm gặp nàng mỹ nữ Psyche.

Giữa tiếng máy nổ diu diu, tiếng người tài xế báo với hành khách qua máy phóng thanh:

- *Death Valley!* (Thung Lũng Tử Thần!)

Chương nhắm mắt lại thích thú tưởng tượng mình là chàng Tappan đang chạy trốn cùng con lừa Jenet qua Thung Lũng Tử Thần với những tia nắng đã thực sự biến thành những mũi kim xiên thấu da thịt. “Như Việt Nam cắn răng trong lò luyện ngọc!” – Chàng mỉm cười nghĩ thầm khi trí lực chuyển sang cảnh Tappan đã thoát hiểm, sống êm ả trên đỉnh núi bốn

mùa tuyết phủ, vắng lặng cô đơn. “Vắng lặng cô đơn như Việt Nam!” Chàng ngủ thiếp đi không mơ về vịnh San Pedro của Los Angeles, cũng không mơ về phi cảng Los Angeles nơi sẽ đưa chàng về Việt Nam; chàng mơ thấy một khu rừng nào đó ở lưng chừng một ngọn đồi nào đó. Chàng mơ thấy mưa lớn, nước tự trời đổ xuống như thác, và trên mặt đường chàng đi, rấn cuộn khúc đầy dẫy: chúng vừa nhô khỏi những hang hốc ngập nước. Có con trăn lớn cuộn khúc ngóng đầu nhẩn nại đợi mưa; có con rắn hổ mang nóng tính phun nọc phì phì; có con rắn cạp nong, cạp nia khúc đen khúc vàng uể oải thu hẹp vòng cuộn khi chàng bước qua. Đặc biệt có con chim đương biến trở lại thành rắn mất rồi! Nó chỉ còn hình thù chim nhưng không có lông vũ: toàn thân da rấn bóng nhẫy.

Mưa càng tầm tã. Cơ hồ nhân loại tuyệt diệt đến nơi...
Chỉ còn rắn!

CHƯƠNG NĂM

dải ngân hà và
vùng cải tân ô

1

Phi cơ hạ cánh xuống phi trường Anchorage (Alaska) vào hồi mười giờ. Khí lạnh lằng lằng nơi đây là một cái gì phi thời gian, siêu không gian! Trên chuyến bay trở về Việt Nam. Chương quyết định dừng lại nơi đây hai mươi bốn tiếng. Đã từng thưởng thức cái nóng lục địa Nevada, Chương muốn thưởng thức thêm cái lạnh miền kể cận Bắc cực này. Đây cũng là một cá tính đặc biệt của Chương: ưa tận tình thưởng thức những đối cực!

Còn thêm hình ảnh những *dấu chân cát xóa* nữa chứ!

Những *dấu chân cát xóa*! Chẳng hiểu vì sao tự nhiên hình ảnh và ý nghĩ về những *dấu chân cát xóa* lại chợt đến ám ảnh chàng vào lúc này! Cũng là một cách ủa nhập vào hư vô chứ sao! Ủa nhập vào hư vô, không phải để chạy trốn mà để hóa giải mọi nóng bỏng, mọi bất quân bình của thể thái nhân tình!

Chương qua đêm êm ả trong một phòng khách sạn do hãng máy bay đã giữ chỗ trước cho. Chẳng có gì để thưởng ngoạn ngoài màu tuyết mênh mông trắng xóa nơi này.

Hôm sau, Chương tới phi trường một giờ sớm hơn giờ phi cơ tới. Chàng thở ra màu mây xà cừ. Bỗng trước mắt chàng, qua màu mây xà cừ xuất hiện một thiếu phụ thì phải. Nàng có

mang – dáng nàng hơi đầy mà không thô, đặc biệt khuôn mặt nàng có nét đẹp của nữ thần Hy Lạp.

Phải rồi, với dáng người đó – khi nàng chưa có mang – với khuôn mặt đó mà nàng mặc cái toga trắng rộng và đứng ở thềm điện Pantheon thì nàng thực là hiện thân của nữ thần Athena. Bất giác như bị thu hút bởi cái nhìn hiền hậu của “nữ thần”, Chương cúi chào nàng không hề ngỡ, đứng như chào một người quen biết đương nhiên. Nàng cũng nở nụ cười và cúi chào Chương, và còn “đương nhiên” hơn khi nàng cất giọng hỏi – nàng hỏi bằng tiếng Việt:

- Ông hẳn là người Việt Nam?

- Sao bà biết?

Nàng lắc đầu:

- Là tôi đoán vậy!

Vừa lúc đó một người đàn ông nhô ra khỏi cửa phòng đợi, tiến vào hành lang, dáng đi hơi một chút khập khiễng thì phải. Mái tóc chàng gọn sóng bồng bênh, vùng trán cao, khuôn mặt dài, đôi mắt mờ ánh suy tư và đượm buồn. Khoảng bên hàm trái của chàng có chiếc nốt ruồi và một sợi râu dài mà chàng để nguyên không nhổ. Nàng giới thiệu chàng với Chương:

- Nhà tôi!

Hai người đàn ông bắt tay nhau, Chương tự giới thiệu tên mình trước, người chồng Việt giới thiệu người vợ Mỹ:

- Nhà tôi, tên Mỹ là Horthy, tên Việt là Hoa. Tôi là cựu trung úy Biệt động quân Trần Nguyên Lĩnh.

- Ủa, tôi cũng là cựu trung úy Biệt động quân. Chúng ta là bạn cũ cùng một binh chủng!

Vào lúc đó tiếng ở máy phóng thanh mời mọi người lên phi cơ. May sao chuyến phi cơ này vắng khách, hàng ghế hai vợ chồng Linh-Hoa còn một ghế trống ngoài cùng. Chương tới để tiếp tục câu chuyện khi phi cơ đã cất cánh qua Bắc cực, trực chỉ Tokyo – Hoa ngồi trong cùng sát bên cửa kính nhìn ra ngoài. Cái nhìn của Linh bao giờ cũng đượm suy tư và u buồn, nhưng mỗi khi chàng cất tiếng nói, vẻ mặt bừng sáng, khoáng đạt, trầm tĩnh. Sợi râu duy nhất mọc dài từ cằm nốt ruồi đen không còn vẻ dị đoan hay cầu thả, mà thành một nét cá tính của chiều sâu suy tư.

- Chị nói tiếng Việt giỏi quá! – Chương nói với Hoa.

- Cám ơn anh – Hoa đáp – nhưng đọc sách Việt thì còn dở lắm, cứ phải mở quyển tự vựng thôi.

- Chị ở Việt Nam bao lâu?

- Tôi sang Việt Nam hai lần, mỗi lần hai năm.

- Nhà tôi – Linh nói – thuộc giáo phái Mennonite, tôn chỉ bất bạo động tương tự như giáo phái Quaker. Hai lần sang Việt Nam, nhà tôi đều hoạt động trong Cơ quan Xã hội Tình Thương và Hòa Bình Cơ Đốc – *A Service of Christian Love and Peace*.

- Anh gặp chị ở Mỹ?

- Không, tôi gặp nhà tôi ở Bình Định, quận Hoài Ân. Cả hai lần!

- Ý anh định nói cả hai lần khi chị sang Việt Nam phục vụ trong Cơ quan Xã hội?

- Vâng! Mặt trận Bình Định luôn luôn nặng. Binh chủng Biệt động quân của chúng ta mấy năm gần đây tới lui nơi này hầu như thường xuyên. Cơ quan cứu trợ xã hội của nhà tôi cũng vậy.

Nữ chiêu đãi viên đẩy xe rượu tới. Cả ba cùng chọn uống Cognac Champagne. Chương tiếp tục câu chuyện sau ngụm rượu nồng ấm. Chàng hỏi:

- Anh thụ huấn sáu tuần sinh lấy ở Dục Mỹ, Nha Trang xong là ra chiến tuyến ngay?

- Vâng, dọc theo con đường huyết mạch thuộc Bình Định, đó là quãng Quốc lộ số 1 tính từ Nam ra Bắc qua các địa danh thoạt là Phù Cát, Phù Mỹ, rồi quận Hoài Ân bên trái trên vùng núi, kế tiếp trước mặt là quận Hoài Nhơn có xã Bồng Sơn, tiếp tục đi thẳng nữa là quận Tam Quan, đèo Bình Đê, phía tay mặt là biển và núi – núi Gà, tôi còn nhớ. Cả bản đồ Bình Định như in hằn trên tim tôi, từng vị trí máu lửa đó.

Cả ba cùng nâng ly uống. Giọng Linh trầm xuống hẳn, ôn lại một hình dung héo hắt:

- Những rừng dừa Tam Quan bị chặt cụt ngọn hết, chỉ còn những thân dừa cao ngẩng trơ trên, vụng dại, hết đám tù binh gầy gò vừa bị chặt cụt đầu trong một cuộc hành hình tập thể!

- Anh ở Bình Định suốt thời gian phục vụ trong quân đội?

- Quãng giữa tôi có sang Mã Lai sáu tháng học về chiến tranh chống du kích do các sĩ quan người Anh thụ trách.

Ngụm rượu thứ ba làm Chương bừng vui, chàng hỏi:

- Anh gặp chị Hoa ngoài Bình Định?

- Vâng! Vào ngay dịp đầu! Thuở đó Hoa cùng hoạt động với ông anh ruột, đoàn ngũ hóa các em bụi đời nạn nhân chiến tranh. Chuyển thứ hai trở lại Việt Nam, Hoa mới chuyển sang công tác săn sóc thương bệnh binh. Thực ra tôi thân với ông anh trước – Linh quay lại nhìn Hoa cười. Lần đầu, Henry, tên

Việt là anh Hạnh, ăn cơm với tôi tại một tiệm ăn nhỏ ở ngay quận lỵ Phù Mỹ, tôi thấy anh đã biết húp canh, mút xương cá, kể cả xương đầu. Đến khi gặp Hoa, cũng vậy.

Lĩnh nghiêng đầu về phía Chương nói đủ cho chàng nghe giữa tiếng động cơ phản lực êm ả đều đều:

- Thoạt tôi tưởng họ chỉ sống giả vờ giản dị để dễ gần dân chúng Việt Nam, như ông Tây thực dân hồi nào vẫn ăn nước mắm mà vẫn chửi mình là nhà quê. Nhưng không, họ sống thực như vậy, họ không hề cho mình là con dân cường quốc tới sống với tiểu nhược. Về sau này càng sống nhiều với họ - ở Bình Định tôi gặp họ hàng ngày, trừ những dịp phải đi hành quân - tôi càng khoái họ, tôi càng hiểu không phải họ chỉ thích giản dị, xuềnh xoàng - vì giản dị, xuềnh xoàng thì nước nào cũng có theo cái cách riêng của họ - nhưng họ thích giản dị, xuềnh xoàng lối Việt Nam, vì họ biết người Việt Nam không lấm cái đờn giản với cái thô kệch. Vào một dịp ăn lễ Thanksgiving, hạ tuần tháng Mười Một, hai anh em giữ thói quen riêng gia đình họ bên Mỹ, nhịn đói trước hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Lần đó họ mời tôi ăn, tôi cũng xung phong nhịn mười hai tiếng. Họ nói phải nhịn như vậy khi ngồi xuống ăn bữa cơm Thanksgiving mới cảm thấy ý nghĩa hai chữ *Thanks* và *Giving*. Tôi nghĩ linh hồn của nước Hoa Kỳ sống động là sống động trong những người như vậy. Họ có bảy anh em, nhà tôi là người thứ hai, cha là vị mục sư Tin Lành. Cả bảy anh em đều sống dần thân như thế, kể ở Nam Mỹ, kể ở Phi Châu, kể ở Việt Nam.

- Bây giờ anh chị trở lại Việt Nam?

- Không, chúng tôi chỉ tới Tokyo, để rồi từ đó sẽ đi Helambu

(Nepal), công tác xã hội giữa những bộ lạc Sherpa, giống Mông Cổ. Giữa vùng Hy Mã Lạp Sơn núi xanh đỉnh tuyết trùng trùng điệp điệp đó, tôi được sống gần dòng suối màu ngọc bích, hay đi dưới hàng cây cao vút hoa trắng như hoa nhài, hay đứng lại bên một bụi *rhododendron* hoa đỏ như hoa hải đường, hay nói như đồng bào Thượng, tự nhiên tôi cảm thấy được xoa dịu phần nào vết thương chiến tranh Việt Nam. Có lẽ sang năm tôi sẽ đi Châu Phi, hoặc Nam Mỹ, hoặc Đại Dương Châu.

- Anh đã là một đoàn viên của giáo phái Mennonite?

- Gần như vậy!

- ?

- Tôi nói "gần như vậy", vì quả thật tôi đang công tác cho Cơ quan Xã hội Tình Thương và Hòa Bình Cơ Đốc, nhưng bình sinh tôi không hề thuộc về một nhóm phái nào cả. Tôi như một tên tuyệt đối thích ở trường, dù chỉ đóng khổ cũng bận bịu không chịu nổi.

Cả ba cười rộ thực tình. Ba ly Cognac Champagne đã vơi nửa hoàn toàn hâm nóng tâm tình họ. Linh nói tiếp:

- Trước đó tôi vẫn nói đùa với anh Hạnh là khi nào giải ngũ sẽ nhập đạo Mennonite. Tôi nói vậy vì biết tình thế nước mình lúc đó làm gì có chuyện giải ngũ, trừ khi mình ngã đạn. Thực là kỳ, tôi chỉ định ninh mình có hai trường hợp, một là tại ngũ tiếp tục nhập cuộc chiến đấu, hai là chết. Không ngờ rơi vào vị trí thứ ba, tôi bị thương ở mắt cá chân tại mặt trận Tam Quan, vùng núi. Gặp ngay chuyến trực thăng đưa về quận Phù Mỹ. Nơi đây Hoa vào thăm tôi và tự ý xin gặp cấp chỉ huy cho chở gặp tôi về Quân Y Viện Quy Nhơn. Để chậm sẽ bị hoại thư cưa

đến đuôi. Phương tiện giao thông không còn gì ngoài hai chiếc GMC, một chở quan tài có phủ quốc kỳ - một Đại úy Quân Y vừa tử trận – chiếc kia chở hai xác binh nhì còn bó *poncho*. Chiếc trực thăng vừa tới thì đã phải trở lại mặt trận Tam Quan cùng Bộ Tham mưu Hành quân. Hoa đã “tháp tùng” tôi trên chiếc GMC thứ hai. Tôi, kẻ bị thương còn sống, được đặt nằm trên băng, hai chiến hữu xấu số nằm dưới sàn xe, Hoa ngồi ngay sát bên tôi. Trên đường về Quy Nhơn, đôi ba lần tôi có kín đáo nghiêng đầu nhìn xuống sàn xe. Hai xác chiến hữu cùng được cuộn trong *poncho*, khoảng đỉnh đầu buộc túm của mỗi xác có gài chiếc mũ cát-két vải cùng màu với *poncho*, sau đó là bốn khoảng thắt bằng dây dù trắng: cổ, eo, đầu gối và gót chân.

Người tử sĩ lùn thấp thì được *poncho* gói kín cả chân, người kia cao hơn nên hai chân thò ra ngoài, màu xám ngoét – hay trắng bệch thì cũng thế. Không hiểu rõ người chiến hữu lúc chết tư thế ra sao, chỉ biết nhìn theo vết hằn bó dưới *poncho* lúc đó thì tay trái áp lấy tai.

Lính ngựa cổ cạ ly Cognac Champagne rồi tiếp:

- Hoa đã đưa tôi về kịp lúc. Tôi chỉ bị cưa khoảng trên mắt cá một chút và được giải ngũ. Tôi dùng nạng ở Việt Nam, nhưng khi sang Hoa Kỳ chỉnh hình, tôi không cần dùng nạng nữa, đi chỉ hơi khập khiễng. Chúng tôi làm lễ thành hôn trên đảo Puerto Rico, nơi có cô em thứ ba của Hoa đương làm công tác xã hội. Chúng tôi hưởng tuần trăng mật ngay trên đảo đó, đảo có tre mọc hai bên đường lộ, có những vườn cam, vườn quýt, vườn chuối, sao mà giống Việt Nam! Chỉ khác có một điều, các cô gái nơi đây khi ra đường đều có bà *chaperon* đi kèm để giữ gìn, theo tập tục Tây Ban Nha cổ.

Lĩnh quay lại hỏi vợ:

- Hoa còn nhớ trên hòn đảo thần tiên đó, chúng ta chỉ lái xe một ngày là hết các danh lam thắng cảnh?

Hoa gật đầu cười tươi:

- Và tới bãi biển nào cũng ủa xuống tắm một lúc.

Phi cơ bay ngang Bắc Cực hơi nghiêng cánh. Thời gian như ngưng lại trong màu tuyết trong sáng, lạnh thăm thẳm và biến thành tấm gương trong cũng lạnh thăm thẳm để Chương soi vào nhìn thấy rõ vết thương của người khác mà không thấy đau đớn gì trong giây lát. Lúc đó Chương mới cạn ly Cognac Champagne. Mùi rượu thơm lừng bốc lên, tỏa ra như một tấm voan hồng phủ lên mối sầu của chàng.

- Anh thật là đại diện cho hạnh phúc Việt Nam – Chương chợt nghe thấy mình nói với Lĩnh – anh trả nợ nước, xứng đáng với công ơn tiên nhân, vừa một bàn chân tiện trên mắt cá nhưng vẫn đi được; anh có người bạn đường mặt đẹp như Phật Bà Quan Âm, hòa hợp trong mối tình nhân bản quốc tế; về Việt Nam lúc nào cũng được, không tự tôn, xa Việt Nam lúc nào cũng được, không tự ti!

Các nữ chiêu đãi viên đã bắt đầu dọn ăn cho những hàng ghế trên. Chương đưa mắt nhìn khuôn mặt Lĩnh trở lại chìm trong suy tư. Chợt Lĩnh quay sang hỏi Chương:

- Anh có biết kinh Phật diễn tả cái vô cùng của không gian và cái vô tận của thời gian ra sao không?

Chương đỡ khay thức ăn từ tay cô chiêu đãi viên chuyển qua Lĩnh vào cho Hoa. Khi ba người đã ngồi nghiêm chỉnh trước ba khay, Chương gật đầu đáp lời cô chiêu đãi viên thứ hai vừa đẩy xe rượu tới:

- Vàng, cô cho chúng tôi uống vang hồng. Ba chúng ta uống vang hồng chứ?

Và Chương hỏi Linh:

- Kinh Phật diễn tả cái vô cùng của không gian và cái vô tận của thời gian ra sao?

Linh nhìn ba ly vang sáng sánh hạnh phúc, bất giác bật cười:

- Có cái gì khác giữa ly vang này với cái vô cùng vô tận của Thời-Không?

Linh hơi cúi xuống kiểm điểm lại những hình ảnh nội tâm sắp được phát biểu, rồi khẽ ngửng lên, không nhìn vào ai, nhưng nói với tất cả:

- Kinh Phật nói – là tôi cũng chỉ nhớ mang máng – hay nghĩ có một phiến đá vuông mỗi bề ba dặm, một người cầm một tấm áo cứ một trăm năm lại phẩy lên phiến đá một cái cho đến khi phiến đá mòn hết. Hay vo tròn dải Ngân Hà, tán thành bụi hòa vào với nước, rồi tiến về phương Đông với cây bút lông, gặp thế giới nào thì chấm một cái cho đến khi hết mực Ngân Hà.

Cả ba cùng nhắc ly vang hồng làm điệu mời nhau, nâng lên môi nhấp ngụm thứ nhất trước khi ăn.

Và họ đồng tình im lặng cho đến khi dùng xong bữa.

2

Họ đã dùng xong bữa!

Phi cơ lại nghiêng cánh. Vẩn một màu tuyết trắng xóa và lạnh thăm thẳm. Chưa ra khỏi Bắc Cực! Chương có cảm tưởng cái lạnh bên ngoài đã làm cho tất ngấm hết thủy, không còn gì, kể cả tiếng động mong manh nhất, trừ tiếng động cơ êm êm rù rì, dĩ nhiên. Khoảng rộng bên trong phi cơ trở thành mênh mông như có mang theo sông núi. Tuy nhiên sự vắng lặng nơi mọi hàng ghế không ghê rợn, chỉ buồn buồn, nỗi buồn bệnh bỗng, nhẹ đấy mà núi Thái Sơn cũng bất lực không nhấn chìm nổi.

Chương nhúu lông mày nghĩ thầm: cảm giác đầu tiên khi con người vừa từ kiếp thú chuyển sang kiếp người hẳn là nỗi buồn bệnh bỗng bỏ ngỡ đó.

Không rõ Linh quay sang nói những gì với người vợ Mỹ, Chương chỉ thấp thoáng nghe tiếng Horthy—Hoa đáp thành những câu ngắn đầy đầy những tiếng “Ồ”, “Phải rồi” đượm vẻ ngộ nghĩnh đặc biệt của người ngoại quốc nói – dù đã sôi lẩm – tiếng Việt. Giọng nàng rõ ràng có khả năng làm tiêu tan mọi mâu thuẫn như dòng sông hóa giải những dòng suối, và biển cả hóa giải những dòng sông. Chương không lẩm về nỗi buồn bỗng bệnh khôn nguôi, vì chính khuôn mặt Linh lúc đó cũng buồn, thật buồn, tựa như thực thể của cuộc đời là buồn, và Linh nói với Chương bằng giọng êm hơn đồng cơ phản lực vang vọng từ cái lạnh Bắc Cực ùa vào:

- Thực là lạ lùng, từ ngày trưởng thành hầu như mọi bất hạnh và hạnh phúc của đời tôi đều rình để được thể hiện vào hôm ba mươi Tết – thời gian thiêng liêng nhất của người Việt, thiêng liêng còn hơn sự sống và sự chết nữa. Thời còn là sinh viên tôi chống chính thể độc tài, gia đình trị, kỳ thị tôn giáo ngu xuẩn của Đệ Nhất Cộng hòa, bị nhốt vào xà lim đúng tối hôm ba mươi Tết. Vừa đủ một năm sau, chiều ba mươi Tết, tôi ở tù ra, về tới nhà bước vào bếp, mẹ tôi đang nấu bánh tét. Thấy con về, mẹ tôi khóc bù lu bù loa, vui buồn lẫn lộn đến tức cười. Anh biết không, tôi bị cắt cụt chân cũng đúng vào chiều ba mươi Tết đấy anh ạ, và khi tỉnh thuốc mê, lúc đó vào khoảng mười giờ tối ba mươi Tết thì phải, khi mở mắt thấy Hoa ngồi ngay bên đầu giường bệnh. Cho đến bây giờ nhiều khi cố nhớ lại, tôi cũng không rõ tôi và Hoa đã nói với nhau những gì để rồi hai đứa đi tới hứa hôn, chỉ tiếc thầy mẹ tôi đã mất.

Linh và Chương cùng cười. Đôi mắt Hoa long lanh mở lớn trên khuôn mặt Phật Bà Quan Âm của nàng, miệng nàng khuất bên má Linh nhưng Chương biết nàng cũng đang mỉm cười. Chương nói:

- Dấu sao cũng còn là đêm ba mươi Tết!

Linh gật đầu:

- Đúng thế! Mùa hạ năm ngoái chúng tôi đã bắt đầu làm công tác xã hội ở Helambu rồi. Tôi và Hoa tới dự lễ Losar đón mừng năm mới. Tôi mến những người dân bộ lạc Sherpa biết là dường nào! Họ yêu thiên nhiên như người dân Việt, họ là những thiên tài về vũ, y như người dân Việt có thiên phú về thi ca. Chúng tôi tham dự cuộc nhảy múa với họ suốt đêm tại một tiền đình tu viện. Đêm đó là đêm gì anh biết không?

Chương đáp ngay:

- Đêm ba mươi!

- Đúng! Bên ngoài tuyết rơi tới tấp như để cho đúng nhịp với lời ca bước nhảy bên trong. Bước ra ngoài, tuyết ngập lút tới bụng chân. Bình minh ló dạng, chúng tôi hoàn toàn bị tuyết băng nhốt kín. Suốt một đêm ca hát nhảy múa, chúng tôi càng thêm sung sức, đào phăng phăng từ trong tu viện đào ra. Khi mọi người đã chui ra, nhìn lại, như thể chúng tôi vừa tái sinh, chui ra khỏi cái linh cữu tuyết băng tập thể. Tuyết đã ngừng rơi, tia nắng đầu năm vừa bùng sáng. Ngẩng nhìn đỉnh núi Yurin bên Tây cao mười ngàn bộ, đỉnh núi Yangri bên Đông cao mười một ngàn bộ, kẻ nút ở giữa phăng phắt một làn sương mù bao phủ. Nhìn xuống bên dưới: thung lũng con sông Melamchi mở ra êm ả thần tiên! Đứng ở khoảng cao bảy ngàn bộ đó, vào vị trí thời gian đó, cái đẹp hùng vĩ của tạo vật chụp lấy tôi như một giấc mơ thần tiên chụp lấy một con người vừa hóa thành bướm, và thực tình tôi có cảm tưởng mình đứng ngoài cái sống chết.

Giọng Linh tự nhiên miết mãi và càng thăng trầm xuống say mê một cách kỳ lạ khiến Chương có cảm tưởng như giọng đó từ xa, xa lắm, từ phía ngoài Bắc Cực thấp thoáng màu tuyết trắng xóa văng vào. Chương quên khuấy nỗi buồn bẽnh bồng bất diệt trong khi nghe Linh kể một hơi dài rồi ngừng lại trong cái tiếc nuối bàng bạc của cả hai:

- Vâng, đúng lúc nhìn cái linh cữu tuyết băng tập thể mà chúng tôi vừa chui ra, đúng lúc mình có cảm tưởng hóa thành cánh bướm thần thoại, bay vào một giấc mơ thần tiên đứng ngoài cái sống chết, thì tôi tê điếng cả người, sực nhớ đã bỏ

quên cả lũ cải tần ô chết vùi dập dưới làn băng tuyết. Nguyên khi rời Việt Nam cùng Hoa tới vùng Hy Mã Lạp Sơn công tác xã hội, tôi có mang theo ít hạt cải tần ô, thứ cải mà thuở sinh thời mẹ tôi vẫn hay nấu canh cho ăn. Tới Helambu, hai vợ chồng đem gieo ngoài vườn, ngay phía bên hông nhà. Cải mọc mới bằng ngón tay, tôi nếm thử... gần muốn ngói bệt xuống đất vì quá cảm xúc – nhớ lại những bát canh nóng mẹ nấu với tôm tươi, ngói ăn dưới giàn bí đao què nhà khi trời vừa chạng vạng, thuở còn đi học. Hè qua thu lại, thế nào tôi quên khuấy việc bóc lấy hạt cải từ những bông đã khô đi năm ấy – cho tới lúc bình minh ló dạng, vừa lúc dự lễ Losar đón mừng năm mới, mới sực nhớ ra. Tiếc ngẩn tiếc ngơ, nghĩ mình chắc còn lâu lắm mới về Việt Nam để lấy được hạt giống. Nào ngờ qua mùa đông đó sang xuân, khi những bông huệ rừng *crocuses* trồi lên, hoa *mimosa* cũng sắp trở, nhìn lại vườn rau đã thấy những búp cải xanh rờn. Bán tín bán nghi, tôi ngắt một lá nếm lại lần nữa, đúng là cải “cổ nhân”, cải năm ngoái. Sướng quá anh ơi! Muốn chảy nước mắt! Nghiệm ra cũng lạ, vì thứ cải này tuy là cùng tộc với loại cúc đại và loại cúc nhà...

- *Daisies and chrysanthemums!*

Hoa giải thích bằng tiếng Anh, chúng tỏ nàng vẫn chăm chú theo dõi lời Linh kể... Cả khuôn mặt lẫn nụ cười vời vợi của nàng nghiêng nghiêng hướng về Chương, khuôn mặt của nữ thần Athena Hy Lạp, của Phật Bà Quan Âm Việt Nam.

- Phải, – Linh tiếp – những thứ cải tần ô đó mang sang Việt Nam là miền nhiệt đới, đáng lý phải chết đi rồi trong mùa đông qua. Mấy hạt cải đó thì sống chi nổi dưới tầng đất đông cứng của miền Helambu lưng chừng Hy Mã Lạp Sơn! Thế mà

chúng vẫn đâm mầm khi tuyết đã qua. Hè năm đó nhờ cả một vốc hạt cải đã được vãi xuống đất nên “vườn cải quê hương Việt Nam” của chúng tôi xum xuê không thể tả được, hoa vàng rực! Tôi có cảm tưởng như mẹ tôi sống lại, hay đúng hơn mẹ tôi đã trở thành vĩnh cửu. Tôi đã không uống công bao nhiêu năm vào sinh ra tử! Tôi nghĩ giá như mình có mất nốt bên chân kia, nghĩa là mất cả hai bàn chân cũng chẳng uống. Tôi sung sướng muốn chảy nước mắt là vì thế! Thu tới – tức là thu năm ngoài – tôi cẩn thận để dành cả thầu hạt cải vào một dịp cùng Hoa tới công tác tại mấy làng vùng thung lũng hai bên bờ sông Melamchi, tôi đã đem ba phần tư thầu hạt cải tản ô rải khắp lượt, cả tả ngạn lẫn hữu ngạn con sông hoang sơ và trong suốt Melamchi, sau khi đã rắc cùng khắp mảnh vườn nhà, rắc ra cả ngô. Kể từ đó tôi tin rằng cải tản ô Việt Nam sẽ như điều gặp gió mọc bất kể ở đâu. Cứ tính rồi đây mỗi mùa thu, cải chết đi, số hạt tăng theo cấp số nhân, chim chóc tha đi, gió thổi đem đi, rồi năm này qua năm khác, ất là cả vùng Hy Mã Lạp Sơn tràn ngập màu hoa cải vàng của mẹ tôi. Màu vàng rực anh ơi! Đất nước mình dung dị như vậy làm sao tiêu diệt nổi?! Ha ha, tôi truyền bá đạo Cải Tản Ô cũng là một hình thức của đạo Việt Nam hỗn nhiên dung dị! Biết đâu, tới ngày nào đó, có một nhà thực vật học Tây phương đi dạo bờ sông Melamchi hay bất kỳ một dải đất hoang vắng nào miền lưng chừng Hy Mã Lạp Sơn đó, tình cờ ngó xuống bắt gặp một hoa vàng, lấy làm lạ và ngắt đem về, loay hoay tìm hiểu sau lớp kính phóng đại – *loupe* – tìm mãi mà không biết hoa đó là hoa khi khô gì của miền núi này. *Daisy* không phải, mà *chrysanthemum* cũng không, không phải Âu, chẳng phải Nhật. Chung quy chỉ vì bát canh rau nóng nấu với tôm tươi ngày nào thuở tên thương phế

binh Việt Nam còn là cậu học sinh trung học, được mẹ cho ăn, ngồi dưới giàn bí đao, khi trời chiều vừa chạng vạng.

Chương đã không dần được lòng, thốt lên hào hứng:

- Tôi khoái màu vàng rực của loại hoa cải này. Ở Huế anh gọi là cải tần ô, ngoài Bắc chúng tôi gọi là cải cúc.

Màu vàng của cải tần ô không chỉ sáng rực trong lòng Chương lúc đó mà mãi mãi về sau. Đồng thời Chương cũng hiểu vì sao khi nãy lúc ba người cùng nâng ly vang hồng, họ đã đặc biệt cùng bị ám ảnh bởi cái vô cùng vô tận của Thời-Không. Kể từ đây cái vô cùng vô tận ấy được nhuộm vàng màu cải tần ô. Tất cả trở thành vĩnh cửu – như niềm đau Việt Nam! Chương càng mở lớn đôi mắt nhìn Linh, sững sờ. Chàng đâu ngờ, thật đâu ngờ, hai người cựu quân nhân của binh chủng Biệt động quân lại đã gặp nhau ở chỗ ùa nhập, mỗi người một cách, vào hư vô – ùa nhập vào hư vô không phải để chạy trốn thực tại, mà là để hóa giải mọi nóng bỏng, bất quân bình của thế sự nhân tình. Bây giờ thì Chương hiểu vì sao khi gặp Linh, tự nhiên chàng có khuynh hướng nép mình và tự xóa nhòa một cách tin cẩn. Ở chàng chỉ có bề rộng mà ở Linh là chiều sâu chàng khao khát, chiều sâu mang đủ những vấn đề tương ứng với những gì chàng đặt lang bang trên bề mặt: thời gian, không gian, hư vô, tình yêu thiên nhiên – và khuôn mặt Phật nữa chứ! Chương hiểu rồi, tại sao nụ cười trên mọi khuôn mặt Phật đều phẳng phất nửa vui nửa buồn. Rồi đây khi tới Tokyo, chia thành hai ngã, biết rằng Chương có bao giờ gặp lại cặp vợ chồng Việt Mỹ này – chàng sinh trưởng từ một đất nước đau khổ đến tuyệt đỉnh của khổ đau, nàng sinh trưởng ở một đất nước mà óc tổ chức đạt tới chỗ tuyệt hảo của máy móc, nhưng

do đó nhiều khi bộ não chính sách cũng máy móc đến chỗ điên khùng! Họ chấp cánh bay xa quê hương – mà không phải là rời bỏ - để thành một cặp hoàn hảo ngoài ý muốn và ngay cả ý thức họ!

Chương có ghi địa chỉ của họ tại Helambu và cũng đã cho họ địa chỉ của chàng – tại một hẻm Sài Gòn. Biết rằng rồi đây Chương có còn gặp lại họ? Tuy nhiên trong cái vô cùng vô tận của thời gian, không gian, họ và Chương há chẳng vẫn thường xuyên gặp nhau đó sao!

3

Thấm thoát đã lại thêm một năm nữa qua đi. Khoảng thời gian ngọt hai năm đó, với bất kỳ nơi nào trên thế giới, cũng chưa thể có gì thay đổi đáng kể dù vui hay buồn, tốt hay xấu. Nhưng ở Việt Nam thì sự điều tàn khốc khiếp nhìn thấy rõ từng ngày!

Đêm Giao thừa năm nay, Chương đứng tì tay bên cửa sổ nhà mình chứng kiến một khung cửa sổ khép kín câm nín và tối om đối diện ngang bên hông nhà.

Xóm Chương ở là một xóm lao động, rất đông trẻ con lúc nhúc, lũ trẻ đen đũi con nhà lao động thuần túy: có; thấp thoáng dăm đứa da trắng, tóc hơi vàng, mắt hơi xanh là lũ trẻ lai Mỹ: có. Sâu trong xóm và phía sau xóm là khu những cô gái điếm. Đối diện với khung cửa sổ bên hông căn gác gỗ

nhà Chương, cách một mái nhà thấp, là khung cửa sổ của một căn gác gỗ khác hẹp hơn, xơ xác hơn, vũng tối đọng bên trong nông choèn như vũng bùn trâu đầm. Đó là gian gác của một cô gái điếm! Mới trưa nay Chương còn thấy lũng lảng phơi phía ngoài cửa sổ chùng một chục cặp lạp xường. Giờ đây đêm ba mươi, vào lúc Giao thừa, tiếng chiêng trống bắt đầu vang rền của đèn, chùa quanh đấy, hỏa châu xanh, đỏ, vàng chiếu sáng cả vùng trời Sài Gòn; những mâm hoa quả cúng lộ thiên, và nến, và hương lấp lánh như sao sa. Riêng hai cánh cửa sổ bên căn gác gỗ cô gái điếm vẫn đóng chặt cam nín, ôm lấy bóng tối cũng cam nín và mất hút. Nếu ban ngày không đã từng nhìn thấy, chắc Chương không thể ngờ khoảng đó có hai cánh cửa sổ - trong khi những khung cửa sổ khác trên những tầng gác cao thấp đều như những nụ cười chan hòa ánh sáng. Chương nhớ có lần chứng kiến cảnh hai cô gái điếm dờ dỗi ở. Chiếc taxi hai cô gọi vào sâu trong xóm - cũng xóm này - đậu ngay trước cửa. Hai cô vừa rúc rích cười vừa hấp tấp khuôn "đồ nghề" ra. "Đồ nghề" đây là chăn, là gối, là mấy cái gối ôm. Chương không bao giờ quên cảnh các cô cười ngặt nghẽo khi ném vội những bạn đồng hành vô tri mà vô cùng gọi cảm đó vào trong taxi. Trong khi các cô cố ẩn chúng thật nhanh, thật gọn vào phía ghế sau taxi, thì hai chiếc gối ôm tai ác đã đã như thể hểnh hếch cười ưỡn mình tuột khỏi cánh tay một cô mà lăn kên xuống mặt đường, báo hại các cô phải cúi xuống lượm vội lên, nhét vội vào taxi, lườn bụng và hai vai rung lên. Các cô vẫn cười!

Đôi mắt Chương trân trân nhìn vào khoảng có hai cánh cửa sổ khép chặt cam nín đêm ba mươi Tết. Cô gái điếm hẳn đã về quê! Đêm ba mươi Tết, những đứa em lang bạt, những đứa con

hoang tàng đều cố lẩn về quê tìm hơi ấm của mẹ, của gia đình chút ít. “Má, con đã về!” – Chương nghĩ vậy. Cô chào má và giơ lên một chục cặp lạp xưởng đã phơi khô. “Con mua về ăn Tết nè, má!” Bà mẹ già, Chương tiếp tục nghĩ, mái tóc trắng, nét mặt nhăn nheo – bà mẹ nào mà chẳng biết con làm gì, nhưng thế bất khả, không có chọn lựa!

Ba mươi Tết Chương bỗng thành một thời điểm lạ lùng quy tụ tinh hoa của khổ đau, của hạnh phúc của cả kiếp người. Chương lại nghĩ tới cặp vợ chồng Việt Mỹ - Linh, Hoa - và liên tưởng đến vùng cải hoa vàng mênh mông của họ. Sau hai năm, hẳn là vô vàn các hạt giống đã tung bay theo gió! Chẳng hiểu, sau khi rời đám thổ dân Sherpa vùng Helambu, dấu chân họ - những *dấu chân cát xóa* – đã lưu lạc sang những miền nào của châu Phi, hay Nam Mỹ, hay một hòn đảo nhỏ nào của Đại Dương Châu mịt mù khói sóng?

Ôi những *dấu chân cát xóa* trên những ngã đường đời!

Chương chợp ngủ!

Chàng mơ thấy hai cô gái điếm tay ôm chân gối, tóc xõa, chạy ùa vào vùng hoa vàng rực của một dải tảo ô ngút ngàn như dải Ngân Hà, phủ gần kín cả đôi bờ một dòng sông rộng tại một thung lũng – ngang sườn núi thì phải!

Sài Gòn 1974

VÕ ĐÌNH (1933 - 2009)

Doãn Quốc Sỹ
và tiếng hát từ lòng đất



TIẾNG HÁT TỪ LÒNG ĐẤT
Tranh VÕ ĐÌNH

“Chúng ta có thể biết được cái hay cái đẹp của một cuốn sách ở mãnh lực của những cú đấm mà nó phóng vào ta, và ở thời gian ta tình nguyện chịu trận như vậy.”

Gustave Flaubert

Tôi nghe nói (hay tôi đã đọc?) rằng gọi nên nổi nhớ không gì bén nhọn bằng khứu giác. Một thoáng hương hoa, hương trầm, một mùi cỏ ướt, một mùi phân trâu, mùi áo cũ... “*Xếp tàn y lại để dành hơi...*” Lại có khi tôi nghe nói rằng chính vị giác và thính giác mới thật mãnh liệt: chất ngọt thơm của chiếc bánh madeleine ở đầu lưỡi... Tiếng kêu xa mà nghe như ai gọi đồ...

Đã 30 năm qua, tôi ăn ở với nàng hội họa, cho nên thế giới hình ảnh trong tôi trở nên quá no nê, quá thừa mứa. Tôi sống vương giả trong đó, quá sung túc nên không còn nhớ nhưng một hình ảnh cho bằng một mùi thơm, nuối tiếc một màu sắc cho bằng giai điệu. Vì thế, chỉ nói riêng về âm thanh, âm thanh thôi chứ chưa phải âm nhạc, khi có dịp được người khác hiến tặng, tôi hưởng thụ một cách ê hề.

Như Võ Phiến đã cho tôi nghe tiếng con ó đêm “*kêu chèo chèo đầu đó suốt đêm trường*” (Cỏ Bồng Phát Phơ). Mai Kim Ngọc đã cho tôi tiếng phong linh “*nghe trong mà ròn rã như tiếng cười*” (Một Chút Riêng Tư). Hay Kiệt Tấn, “*tiếng động rần rạt của bánh sắt trên đường rầy*” (Vườn Chanh Miệt Biển). Tiếng kêu của một con chim, tiếng gió leng keng trong những vỏ ốc, tiếng “*sầm sập, sầm sập*” của bánh xe lửa, của những chuyến đi trong đời, rồi thì tiếng dế kêu sau lò sưởi củi (Van Gogh), tiếng “*vạc kêu sườn núi trăng mờ đầu non*” (ca dao)... Và tiếng sáo diều. Tiếng sáo diều của người bạn mới “*được*” nhà nước xã hội chủ nghĩa chiếu cố đem ra xử cuối tháng Tư vừa qua, và ân cần trao tặng chín năm tù. *Tiếng sáo diều của Doãn Quốc Sỹ...*

Khu Rừng Lau, bộ trường thiên tiểu thuyết đồ sộ của Doãn Quốc Sỹ gồm bốn quyển. Quyển thứ hai là *Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến* gồm hai phần, do nhà Sáng Tạo xuất bản năm 1964. Với tôi như một độc giả. Chương Bảy của Phần Một, tuy chỉ có 43 trang nhưng là một trong những đoạn quan trọng nhất trong bộ tiểu thuyết mấy nghìn trang này.

(...)
 “*Có tiếng lá cây xao xác tự đằng xa, rồi một đợt gió khác mạnh hơn ào ào tới như một đoàn âm binh trẩy gập vì một nhiệm vụ khẩn cấp. Kha vẫn đứng nguyên chỗ cũ hoàn toàn bị giọng hát thôi miên, hay đúng hơn để cho tâm hồn tan vào tiếng hát, xóa nhòa ý niệm về thời gian và không gian. Tuy nhiên chàng vẫn cảm thấy lạnh, cái lạnh của một tâm hồn cô đơn. Hình như chàng mỉm cười vì trong cái vô cùng cô đơn ấy chàng thấy rõ chiến tranh tàn phá gây biết bao cảnh đời đời, nhưng có một cái gì đó mà không gì tàn phá nổi là tiếng sáo diều và nhất là tiếng hát kia, TIẾNG HÁT TỪ LÒNG ĐẤT, tiếng hát sầu dằng dặc*”

nhưng là tiếng hát bất tuyệt võ về an ủi sự sống làm cho sự sống càng phì nhiêu và bất tuyệt như nó.” (...)

Đó là lần cuối cùng Kha ngủ lại giữa lòng quê trước khi vô Nam sau hiệp định Genève.

Cũng vì thèm khát một “tiếng hát từ lòng đất” như vậy mà mùa hạ năm 1967 tôi hoàn thành một bản năm màu cực kỳ công phu, gọi là *Giấc Mơng Con Diều*.

Rồi mùa thu năm ấy, một đêm mưa tầm tã, tôi ngủ lại nhà một ông bạn vong niên gốc Bắc ở ngoại ô thành phố New York. Đã lên giường, với tay tắt đèn, tình cờ bắt được một cuốn sách dầy đọc chơi vài trang. Tôi đọc trọn cuốn đến gần sáng. Đọc đến “*nhưng có một cái... mà không gì tàn phá nổi...*” tôi khép sách, đặt lên bụng, nằm ngẩn ngơ. Hôm sau, hỏi ra thì được biết cuốn *Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyến* là của Nguyễn Ngọc Bích, hồi ấy còn học ở đại học Columbia, cho ông bạn mượn. Về nhà, tôi vội viết thư thăm “*người không quen*”, gửi về New York nhờ ông Nguyễn chuyển giao. Kèm theo thư, tôi đính kèm một cái ảnh màu chụp bức một bản *Giấc Mơng Con Diều* mới hoàn thành ba tháng trước.

Đúng mừng Một tháng giêng năm 1968, Doãn Quốc Sỹ (DQS) lặn lội đi xe buýt Greyhound từ Nashville, Tennessee miền Nam nắng ấm lên tận cực bắc Pennsylvania khi ho cò gáy thăm tôi. Mùa đông vùng “*tam bang*” (NY, NJ, PA) đang ở thời kỳ khốc liệt nhất: bốn bề băng tuyết, có nắng vẫn lạnh ở độ âm, con sông Delaware nước thường chảy xiết đông cứng lại thành một vực sâu chết cứng. “*Khách*” phương xa người cao, gầy, phục sức xuề xòa, mặt vuông, nước da ngăm đen, hai mắt sáng, quyết liệt nhưng hiền hòa. DQS đã ở lại với tôi hai

ngày đầu tiên của năm 1968. Cũng dễ đến mười năm sau, sau năm 1975, tôi mới được đọc Nguyễn Ngụ Í viết về DQS:

... *“Thật tôi không ngờ người sinh viên Văn khoa cao cao, gầy gầy, có cặp mắt u hoài ấy sau này lại đủ sức kiếm luôn ba nghề nặng nhọc và bạc bẽo nói trên (dạy học, viết văn, làm nhà xuất bản – VĐ) mà nghề nào cũng đánh dấu một cái gì. Thế mà từ chiếc lều con lạch lồng tại trung tâm thủ đô, sang căn buồng chật chội co mình trong khu Đại học xá Minh Mạng, đến gian nhà khiêm tốn anh tạo được trong cái hẻm đường Thành Thái, mười năm đã trôi qua, nặng nề, bực bội, anh vẫn giữ được cái niềm tin ấm áp trong đôi mắt hiền hòa, đôi mắt mà nhìn sâu vào, tôi có cảm tưởng rằng chúng không sợ lửa, mà cũng chẳng sợ giá băng.”*

Nếu tôi đọc Võ Phiến, ngoài những lý do *“thuần túy”* văn chương ra, vì ông là người *“đào được thật sâu và biết thật kỹ về ý nghĩa của sự mất mát”* (Làng Văn, số 43 tháng 3 năm 1988) thì tôi lại yêu đọc DQS vì một lý do *“trái ngược”*: ông Doãn là người có một lòng tin bao la và sâu sắc ở sự tồn tại. Ông Võ nhắn nhe: Còn đấy, nhưng coi chừng, thật ra chúng ta đã *“mất”*. Ông Doãn nhắn nhủ: Mất rồi nhưng xét lại cho kỹ, chúng ta vẫn *“còn”*. Mất còn, còn mất, hai nhà văn của chúng ta đã lấy cái lý vô thường và vĩnh cửu của cuộc nhân sinh để tặng cho chúng ta những bài học về tình yêu. Tình yêu cho quê hương dân tộc, tình yêu cho tông tộc gia đình, tình yêu bằng hữu, trai gái. Và tình yêu cho con người, cho cả những con người không *“đáng”* được yêu.

Trong cuốn *Viết và Sống với...* (Ngài Xanh, 1966), Nguyễn Ngụ Í hỏi DQS: *“Tò mò một chút, anh nhé. Có người cho rằng*

trong các truyện của anh nhân vật chánh thường dễ thương, tốt, đẹp, phải chăng vì ngoài đời, anh đã từng chung đụng với những con người dễ ghét, xấu, hèn?” DQS trả lời: “Không phải thế đâu anh! Ngoài đời tôi có gặp người tốt, bạn hiền, nên tôi cho mình có quyền lý tưởng hóa một số nhân vật trong truyện mình.”

Gần đây hơn, trong Văn Học Miền Nam, Tổng quan (Văn Nghệ, 1986), Võ Phiến viết: “Khu Rừng Lau phơi bày cái hiểm ác của chế độ này, lật trần nền độc tài nọ. Thái độ chính trị của tác giả luôn luôn hiển lộ trong tác phẩm. Tuy vậy ông Doãn (...) trước sau “kiên trì theo con đường văn hóa”. Ông chê cái này chống cái nọ vì nó xấu nó ác. Mà ông thì nhất tâm phục vụ cái thiện cái mỹ. Thiện tâm thiện ý của tác giả tỏa ra khắp tác phẩm: trong các chuyện của ông nhân vật nào cũng tốt, việc gì cũng có khía cạnh hay. Ông bất lực không tạo nổi người xấu, kể nổi việc xấu. Đọc sách ông, thơ thơ cả tâm hồn”...

“Đọc sách ông thơ thơ cả tâm hồn”. Ông Võ Phiến khéo ví von. Mà ông cũng ví von thật khéo.

Một trong những truyện của DQS được bạn đọc yêu mến đông đảo nhất là *Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều* (1960). Kết luận truyện này DQS thổ lộ: “Sau này khi về vùng quốc gia, rồi di cư vào Nam tôi còn trải qua nhiều gian lao nghèo túng và nhiều lần bị khinh rẻ, nhưng dù nghèo túng đến đâu, dù bị khinh rẻ đến đâu, điều đau nhức nhất với tôi vẫn là chuyện chiếc chiếu hoa cạp điều, (...). (...) Cũng kể từ sau ngày xảy ra chuyện đó, thái độ tôi đối với người đời khác xưa nhiều. Tôi thận trọng tránh mọi thái độ hẹp hòi, kiêu ngạo, ích kỷ, sắc cạnh. Lòng dễ xúc động, tôi thương người như thương chính thân mình vậy. Tôi thương

những em nhỏ sớm phải lăn lưng vào cuộc đời để tự nuôi sống, tôi thương những người đói khát ham ăn ham uống, tôi thương những hình ảnh lam lũ một sương hai nắng, những hình ảnh nghèo túng giật gấu vá vai, tôi thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thế ngơ ngác giữa kinh thành. Ở thế giới thực dân tư bản người ta tung vật chất ra để giam lỏng linh hồn; ở thế giới thực dân cộng sản, người ta phong tỏa vật chất để mua rẻ linh hồn. Cả hai cùng thất bại! Linh hồn nhân loại chỉ có thể mua được bằng tình thương yêu rộng rãi và chân thành."

Chưa hết! Ông đã từng kêu lên, kêu lên hoài, như một tâm niệm: *"Chẳng ai làm bẩn được mình, cũng như mình chẳng thể làm bẩn được ai dù mình nắm trọn quyền hành. Chỉ những hiện thân của u tối, của thiên cận mới tưởng rằng nắm được quyền hành là nắm vững lòng người. Hãy quay trở về với chính mình (...) vun xới tâm hồn mình là chuốt lọc danh dự cho dân tộc, là gieo hưởng hạnh phúc cho đồng loại (...)"* (Tiền Kiếp, 1960)

DQS nói lên những điều trên một cách khơi khơi, tỉnh bơ, nói đúng hơn có lẽ nên dùng một thành ngữ của người Anh, *"with a straight face!"* Bởi vì ông nói mà không có chút mắc cỡ. Bởi vì ông nói với tất cả sự nhiệt thành của một tấm lòng đôn hậu và một trí óc sáng suốt. Sống ở một thời đại mà ngôn ngữ lạm phát thê thảm, mà biết bao con người trở thành hời hợt, trăn tráo, DQS nói chuyện ăn ở thanh bạch, về tình yêu quê hương, gia đình, bằng hữu, về nhân đạo và danh dự, v.v... mà không mảy may e dè, ngượng nghịu. Thiển nghĩ ông thật đáng yêu ở chỗ đó. Ông đáng yêu không phải chỉ vì cái cao thượng, cái phong phú của tâm hồn ông mà chính vì, như ông đã mượn lời một nhân vật của ông trong *Cúi Đầu* (1970): *"Lời ông (...) nói thật có lý, thật thống thiết, lời nói của người đau*

khổ nội tâm nhiều, lời nói của kẻ cam chịu biết bao hủy diệt để đúc kết lấy một chút ít chân lý trong nhận định. Chân lý vẫn đơn giản nhưng chẳng phải ai cũng dễ nói lên được nó để xúc động kẻ khác”.

Cái lý tưởng của chàng thành niên trong “Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điếu” vẫn rục rở một cách hết sức hồn nhiên ở người trung niên và, tôi tin thế, ngay cả bây giờ, ở ông lão ngoài sáu mươi. Trong *Con Chuột Chù* (1966), sau khi nửa đêm loay hoay mãi mới đập chết được con vật xấu xí hôi hám, Kha đứng thần người nhớ lại hồi đi kháng chiến:

“Một số bạn Kha hỏi cung tù binh da trắng thường cố tình hỏi mĩa ý muốn thực sự làm nhục họ. Một số khác đồng hơn đồng ý với Kha là nhục mạ tù binh không làm đẹp thêm chiến thắng của mình, trái lại nữa. Riêng với Kha, từ ngày ấy chàng đã có quan niệm: làm nhục người khác là làm nhục chính mình, nhìn người khác quy lụy – nhất là vì miếng ăn, việc thường hay xảy ra ở trại tù binh – chàng có cảm tưởng như chính nhân phẩm mình bị sa sút. Bất cứ một cá nhân nào, theo ý Kha, đều mang trọn vẹn hình ảnh nhân loại nói chung. Tước đoạt nhân phẩm của một cá nhân nào là thương tổn đến nhân phẩm của cả nhân loại” (...)

Đến như cái chết của một con chuột bấy lâu phá phách mà còn làm cho Kha nửa đêm đứng chống cái then cửa suy nghĩ vẫn vơ như vậy, huống hồ... Mà sở dĩ như vậy cũng vì DQS là một trong số những người Việt Nam un đúc và un đúc tới nơi tới chốn bởi cả hai nguồn tinh hoa văn hóa Đông Tây. Phạt Lão Trang ở ông, đương nhiên rồi. Đồng thời, ngay cả trước thời gian đi tu nghiệp ở Mỹ (66-68) ông đã có những suy tưởng về nhân loại, nhân quyền, về bình đẳng xã hội, bình đẳng nam nữ, về giáo dục con cái, rất tiến bộ, rất “hiện đại”...

Tháng tư vừa qua, tại đại hội Văn bút Việt nam Hải ngoại, tôi được nghe luật sư/nhà văn Trần Thanh Hiệp, cũng là bạn thân lâu đời của DQS, diễn thuyết về ý thức người cầm bút. Tôi không nhớ rõ lời văn, nhưng đại ý ông Trần nói rằng DQS, tuy đang ở tù, là một người tự do. Ông Trần nói thật tha thiết và thật đúng. Nhưng khi tôi nghe ông bảo rằng DQS vẫn tự do vì ông (Doãn) không khuất phục trước bạo lực, thì tôi lại nghĩ rằng có lẽ ông Trần nói chưa chí lý. Tôi thiên nghĩ DQS là một người tự do vì ông biết thương người.

Những kẻ như chính người viết bài này và những ai trong số bạn đọc chưa từng trực tiếp chịu đựng những đòn đau nhức nhối do hoàn cảnh cốt nhục tương tàn gây nên, trước 75, sau 75, những người như chúng ta mà dám mở miệng nói về *"tình thương xót bỏ hận thù"*, thật có một cái gì không ổn. Riêng tôi, tôi không dám nói rằng tôi có đủ tư cách và sức mạnh để làm việc đó khi phải trực diện với hoàn cảnh thực tại. Nhưng tôi nghĩ rằng, tôi tin rằng DQS, sau 4 năm *"học tập"* (1976-1980), sau bốn năm giam cầm (1984-1988) vẫn không thay đổi cái nhìn hướng về con người của ông.

Ngày xưa, gặp ngoài đường một ông tai to mặt lớn với những thành tích xấu xa mà DQS còn biết *"thương những kẻ thù dân tộc hôm qua, ngày nay thất thế ngơ ngác đi giữa kinh thành"*. Ngày nay, dẫu có đắng cay khổ nhục mấy đi nữa, ông còn biết nhìn với đôi mắt thương hại những công tố viên đang xía xối ông, những cán bộ chấp pháp đang truy vấn ông, những cai tù đang kềm giữ ông. Và như vậy, ông mới còn tự do, cái tự do ông trả với tất cả đòn đau ê chề, cả thể xác lẫn tinh thần. Trái tim của ông vẫn không suy yếu. Bạo lực có thể uy hiếp ông. Nhưng bạo lực không cách gì đập nát trái tim

ông và đặt vào đó một lò lửa căm thù. Ông chỉ căm thù bạo lực, ông không thể căm thù con người, dầu dù đó là con người dùng bạo lực để hành hạ ông. Tất cả những ai đang mang lại khổ đau cho ông, và cho gia đình của ông, hãy ghi nhận, dù chỉ trong thâm tâm, hãy ghi nhận điều đó.

(...) *“bầu không khí u uất – Cơn giông – Một trận mưa đổ xuống cho trời rạng dần – Tôi vẫn có ý nghĩ lạc quan thế để cười vào mọi điều bạc, hèn hạ, ngu xuẩn của đời”*... (Cánh Tay Nói Dài, 1966)

Trong cơn lốc tàn bạo của lịch sử, người người quay cuồng theo cái đà xoay bất tận của những chuỗi nhân quả oan nghiệt trùng trùng, DQS cũng không thể lạc vào cái mê hồn trận ấy. Nhưng tôi cũng tin rằng, ở đâu, bao giờ, ông cũng vẫn là con người chẳng những không có tội đối với đất nước quê hương, mà còn là một kẻ *“chiến thắng”*, *“chiến thắng”* lấy mình, trong nghĩa giữ vững được tư cách và tinh táo, trong nghĩa không quên rằng đao phủ thủ và kẻ tử tội đều là nạn nhân.

(...) *“Đã lâu lắm kể từ ngày rời miền Bắc sau hiệp định Genève, di cư vào miền Nam ầm áp mưa nắng hai mùa. Huy không được gặp tiết thu.”* (...) *“Và hôm nay trước khi rời tân lục địa này, Huy vô tình bắt gặp một chớm thu khác.”* (...) *“Huy nhắm mắt lại cho tình thu thêm ngòm ngợp, gió ủa tới... ủa tới... ghê ghê lạnh, từng đợt từng đợt, liên tiếp liên tiếp, đẩy hồn chàng vào vũ trụ với lời nhắn nhủ thiết tha và bất lực (càng bất lực nên càng thiết tha) nhắn nhủ chàng hãy níu lấy thời gian này, không gian này, bám lấy không gian này, nơi trú ngụ hạnh phúc rức rở và mong manh: hãy níu bắt lấy hạnh phúc dù là bóng; hãy níu giữ lấy mong manh, dù tuyệt vọng. Sự níu giữ*

tuyệt vọng tự nó đã là cái đẹp rõ ràng nổ tung vào vô tận để trở thành bất diệt rồi.” (Sầu Mây, 1970)

Tôi nghe kể lại rằng trong phiên xử ngày 27-4-88, sau khi công tố viên đọc lớn bản cáo trạng buộc tội *“Doãn Quốc Sỹ và Đồng bọn” “chống phá cách mạng”*; v.v... DQS đã có cơ hội phát biểu vài đôi lời:

“Tôi tin rằng chế độ nào cũng có hai mặt tốt và xấu, giống như con người vậy. Nhận định và phản ánh cái xấu là cũng để còn mong được cải thiện, còn mong được tiến bộ. Là những người cầm bút, chúng tôi có bốn phận phải làm việc đó. (. . .)

“Nếu tòa cứ nhất quyết phán xét vấn đề qua lăng kính đặc biệt của riêng tòa, thì tất cả chúng ta chỉ còn nước ket tuốt vào trong một cái vòng luẩn quẩn không lối ra, một cái vòng mà, thưa tòa, tôi đã cố hết sức tránh hoài rồi đó!”

Tôi cũng nghe kể lại rằng Doãn Quốc Sỹ đã nói như vậy một cách hùng hồn mà dung dị, tha thiết mà ung dung. Như hết những khi ông đứng trên bục các lớp học ở Đại học Sài Gòn, ở Đại học Vạn Hạnh, mà nói với sinh viên. Bạn bị hành hạ, lòng tôi đau đớn. Nhưng tôi không khỏi mỉm cười nhớ lại nét mặt đam mê, đam mê mà sáng suốt, của ông khi ông giảng bài cho học trò. Và nhớ lại câu văn cuối cùng, kết liễu cuốn truyện dài *Sầu Mây*:

“Lên cao nữa phi cơ chui vào một vùng mây khói sâu giăng man mác, nhưng sao lòng Huy vẫn vời vơi chiến thắng? Có thể sâu mây lên cao thành niềm vui chiến thắng!”

“Bao giờ chúng ta cũng là những kẻ chiến thắng – Huy tự

nhủ thâm vậy – nếu chúng ta biết nhìn trước thấy dòng luân lưu của sự vật.”

Đầu năm 1970, tôi có gửi tặng Doãn Quốc Sỹ và gia đình một bức tranh sơn dầu vẽ trên vải. Chiều cao họa phẩm gần như chia thành hai bởi một nét cọ lớn từ tả sang hữu, sáng rực. Bên trên là không gian trống vắng mênh mông, thấp thoáng một hình tam giác bạc trắng làm người ngắm tranh nghĩ đến một con diều. Bên dưới, hình tượng và màu sắc chằng chịt, dữ dội, gai góc. Tôi có thư dặn ông khi cho vào khung, hãy đặt dưới kính. Ông viết thư phản đối, bảo rằng tác giả lắm cảm, tranh sơn dầu đời nào lại “xú-ve” (*sous-verre*), cứ để trần hay hơn. Tôi hồi âm, biện hộ cho sự dặn dò.

Khi tôi nhận được cuốn *Sầu Mây* (1971) mới ấn hành, đọc đến trang 230, tôi không khỏi mỉm cười. Đó là phần tư của lá thư Hương viết cho Huy từ New York, nói về cô bạn nữ họa sĩ Trâm mà nàng rất quý mến. Một hôm, hai bạn gặp nhau, và những gì Trâm nói với Hương thì gần như là nguyên văn của những lời biện hộ của tôi về việc dặn dò đóng khung bức tranh sơn dầu:

(. . .) “em theo Trâm về studio cùng làm cơm ăn. Em thấy trên tường treo một tác phẩm sơn dầu của Trâm mới vẽ mà lại đóng khung kính. Em phản đối Trâm sao lại đóng khung kính tranh sơn dầu. Trâm nhìn em đại lượng, rồi giọng Trâm thao thao, đại ý:

“Chị có thấy bức tranh đập vỡ lệ thông thường? Phần trên là bầu trời tím hồng, mịn màng, man mác, đó là tiếng hát, là tình thương, là an ủi, là vỗ về. Phần dưới là đổ vỡ, là uất ức, quần quai, xót xa, tàn bạo, tiếng sắt tiếng chì. Nếu cắt bức tranh

làm hai bức thì mỗi phần sẽ là một bức tranh hoàn hảo hơn, theo đúng luật thẩm mỹ thường lệ: nhưng tôi đã quẹt ngang khoảng giữa một đường chân trời sáng ửng như một bình minh trí tuệ, như một giây phút trắng thân thoát sấp lên. Sở dĩ tôi đóng khung cửa kính bức tranh là để tạo nên một vũ trụ xa vời, chưa nắm lấy được, chưa đi vào được. Quê hương còn khói lửa tang tóc thế kia! (. . .) “Chị có biết không, nếu như ngày mai đây chúng ta được hòa bình trở lại với quê hương, tôi sẽ mời chị lại đây cùng uống với tôi một chén trà, cùng thấp với tôi một nén hương, rồi cùng giúp tôi một tay gỡ kính ra, đập cho vỡ vụn, và nhìn nhau cả cười. . .”

Bức tranh đó, tôi đã lấy tên cái Chương Bảy nói trên mà gọi: *Tiếng Hát Từ Lòng Đất, I*. Từ ngày đó đến nay, cũng đã gần hai mươi năm.

Ấy vậy mà nghĩ về Doãn Quốc Sỹ, khi thì sống thiếu trước hụt sau ở nơi phố thị, khi thì khổ ải đốn đau trong chốn lao lung, tôi vẫn nhớ đến bạn trong khi tai nghe từ xa vẳng đến một âm thanh cao vút, một âm thanh “*siêu thanh*”, một *tiếng hát từ lòng đất*, tiếng hát sầu dằng dặc nhưng là tiếng hát bất tuyệt vỗ về an ủi sự sống làm cho sự sống càng phì nhiêu” . . .

VÕ ĐÌNH

Hạ, 1988

tác giả | DOÃN QUỐC SỸ

Tên thật là Doãn Quốc Sỹ. Ông sinh ngày 17 tháng 02 năm 1923 (nhằm ngày Mừng Hai Tết Quý Hợi) tại xã Hạ Yên Quyết, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội. Thuở còn là thanh niên, ông đã từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Sau đó, khi phong trào này để lộ bộ mặt Cộng sản, ông đã rời bỏ kháng chiến. Vào năm 1946, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Thảo là ái nữ của nhà thơ trào phúng Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu. Năm 1954, khi hiệp ước Geneva chia đôi đất nước, ông theo làn sóng di cư đem vợ con vào miền Nam sinh sống.

Doãn Quốc Sỹ có hai sự nghiệp song song là nhà văn và nhà giáo. Ông vẫn thường nói rằng: *"Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp."* Trong cương vị nhà giáo, ông đã dạy tại các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam Định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà Nội), Hồ Ngọc Cẩn (Sài Gòn 1961-1962), Trường Sư phạm Sài Gòn, Đại học Văn Khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn. Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961) và từng đi tu nghiệp về sư phạm tại Hoa Kỳ (1966-1968). Với cương vị nhà văn, ông là đồng sáng lập viên nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên vào năm 1956 cùng với Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng mà ông vẫn gọi là *"Thất Tinh"*. Ông cũng có những bài viết được đăng trên những tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật...

Sau ngày Miền Nam thất thủ 30/04/1975, vào tháng Tư năm 1976, Doãn Quốc Sỹ cùng nhiều nhà văn miền Nam khác bị bắt đi tù cải tạo. Ông bị giam tại trại Gia Trung, cách thành phố Pleiku 25 km, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác như Trần Dạ Từ, Thanh Thương Hoàng, Sơn Diễm Nguyễn Việt Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Chóe... Đến năm 1980, ông được thả tự do nhờ sự can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian chờ đợi được người con gái đầu bảo lãnh đi Úc, ông tiếp tục viết thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có quyển Đi được ký với bút hiệu Hồ Khanh. Ông đã gửi tác phẩm này sang Pháp, để xuất bản tại hải ngoại. Cũng vì lý do này, ông đã bị bắt lần thứ hai vào tháng 5 năm 1984, chỉ trước ngày đi Úc vài tháng, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Duy Trác, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý... Ông bị kết án mười năm tù. Ông mãn hạn tù lần thứ hai vào tháng 11 năm 1991.

Năm 1995, ông được người con trai trưởng bảo lãnh di dân sang Houston, Hoa Kỳ. Hiện nay, ông đang sống tại Quận Cam, California.

tác phẩm | **ĐOẢN QUỐC SỸ**

- SỢ LỬA** (Truyện cổ tích, 1956)
U HOÀI (Truyện ngắn, 1957)
GÁNH XIẾC (Truyện ngắn, 1958)
GÌN VÀNG GIỮ NGỌC (Truyện ngắn, 1959)
DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH (Truyện dài, 1959)
KHẢO LUẬN VỀ CAO BÁ QUÁT (1959)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN CÔNG TRỨ (1959)
KHẢO LUẬN VỀ ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH (1959)
KHẢO LUẬN VỀ TẢN ĐÀ (1960)
KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN (1960)
KHẢO LUẬN VỀ TRẦN TẾ XƯƠNG (1960)
TỰ LỰC VẤN ĐOÀN (Khảo luận, 1960)
HỒ THUY DƯƠNG (Truyện cổ tích, 1960)
BA SINH HƯƠNG LỬA (Khu Rừng Lau I, 1962)
NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN KIA VÍ TUYẾN (Khu Rừng Lau II, 1964)
TÌNH YÊU THÁNH HÓA (Khu Rừng Lau III, 1965)
NHỮNG NGẢ SÔNG (Khu Rừng Lau IV, 1966)
TRÁI CÂY ĐAU KHỔ (Kịch, 1963)
KHẢO LUẬN VỀ NGỮ PHÁP VIỆT NAM (1964)
NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YÊU (Khảo luận, 1965)
CÁNH TAY NỐI DÀI (Truyện ngắn, 1966)
ĐỐT BIẾN GIỚI (Truyện dài, 1966)
CA DAO NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG NHI ĐỒNG (Biên khảo, 1969)
THẦN THOẠI ẨM ĐỘ (Biên khảo, 1969)
NGŨ NGÔN (Biên khảo, 1969)
VÀO THIỀN (Tùy bút, 1970)
SẦU MÂY (Truyện dài, 1970)
CON CÁ MẮC CẠN (Truyện ngắn, 1971)
TRÁI ĐẰNG TRƯỜNG SINH (Truyện ngắn, 1971)
CÚI ĐẦU (Tân truyện, 1972)
THẦN THOẠI NHẬT BẢN, CHÂU ĐẠI DƯƠNG, HY LẠP, BẮC ÂU
(Biên khảo, 1972)
THẦN THOẠI VIỆT NAM-TRUNG HOA (Biên khảo, 1972)
VĂN HỌC VÀ TIỂU THUYẾT (Biên khảo, 1972)
CON KỶ LÂN CUỐI CÙNG (Truyện dịch, The Last Unicorn
của Peter S. Beagle, 1973)
ĐI (Truyện dài, 1982)
MÌNH LẠI SOI MÌNH (Truyện dài, 1995)
NGƯỜI VÁI TỬ PHƯƠNG (Truyện dài, 1995)
ĐẤU CHÂN CÁT XÓA (Truyện dài, 1995)
CÒ ĐÙM (Truyện dài, 1997)

In tại XpressPrint, California, Hoa Kỳ
2018